

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm

Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương Phần 5

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Địa điểm: Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán, Đài Loan,
Tháng Ba năm 1997
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến và Huệ Trang

Tập thứ chín (12-13-09)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai mươi lăm, dòng thứ tư, đọc từ chính giữa.

Tam tứ nhị môn tức bản tánh Phật, danh vi Trí Thân, Phật dĩ trí huệ vi bản tánh cố.

三四二門即本性佛，名為智身。佛以智慧為本性故。

(Hai môn thứ ba và thứ tư chính là niệm đức Phật trong bản tánh, gọi là Trí Thân, vì Phật lấy trí huệ làm bản tánh)

Đây chính là lời giải thích cho câu thứ ba và thứ tư của kinh văn trong phần trước, chúng ta hãy đọc câu kế tiếp cho dễ giảng hơn một chút.

Tiền môn thập lực trí, hậu môn vô ngại trí, trí tắc minh liễu vi kiến.

前門十力智。後門無礙智。智則明了為見。

(Môn trước là Thập Lực Trí, môn sau là Vô Ngại Trí. Đối với trí thì [gọi] hiểu rõ là thấy)

Chúng tôi đã giảng đến chỗ này. "Tiền" là câu thứ ba, "hậu" là câu thứ tư, chúng ta không cần đọc lại đoạn kinh văn trong đoạn trước.

Theo danh từ triết học hiện thời, "bản tánh" được gọi là "bản thể", tức bản thể của vũ trụ vạn hữu. Triết học gia tuy lập ra danh từ, thuật ngữ này, nhưng dựa theo thực tại chân tướng sự thật để nói thì họ vẫn chỉ sờ soạng; nói chung là họ tưởng tượng vũ trụ do đâu mà có, nói chung, [họ suy luận vũ trụ phải] có căn nguyên, rồi gọi căn nguyên ấy là bản thể. Nhưng trong Phật pháp Đại Thừa, đối với chuyện này, chư Phật Như Lai thật sự hiểu rõ,

thật sự thấy rõ ràng. Trong bộ kinh này, cảnh giới ấy được gọi "*đại bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới*" (cảnh giới giải thoát to lớn chẳng thể nghĩ bàn). Gọi là "*đại bất tư nghị*" nhằm đối ứng với những gì được nói trong kinh Duy Ma. Cảnh giới trong kinh Duy Ma được gọi là "*tiểu bất tư nghị*" bởi cảnh giới được nói trong kinh ấy mang tánh chất cục bộ, còn cảnh giới được giảng trong kinh này là viên mãn. Bản tánh mới thật sự là chính mình, mới là con người gốc, ý nghĩa này rất khó hiểu.

Thiền Tông đạt đến cảnh giới tối hậu, thường gọi là "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*", kiến tánh chính là thấy được Bản Tánh Phật. Cái thân [thấy được do] kiến tánh chính là thân trí huệ, trong phần trên chúng tôi đã nói thân trí huệ thuộc về Báo Thân. Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài có mà là sẵn có trong tự tánh; vấn đề này trước hết vẫn phải từ nơi bản tánh mà nói, rất khó nói, đương nhiên nghe cũng không dễ hiểu. Trong kinh thường dùng tỷ dụ để chúng ta thấu hiểu được điều này. Ví như nằm mộng, tôi nghĩ mỗi vị đồng tu đều có kinh nghiệm nằm mộng. Nếu như khi quý vị tỉnh giấc mộng, quý vị bèn suy nghĩ: Những cảnh giới trong mộng do đâu mà có? Có nghĩ tới chuyện này hay chẳng? Người học Phật phải thường lãnh hội từ chỗ này thì quý vị sẽ dễ khai ngộ hơn.

Trong phần trên, tôi đã thưa với quý vị, Bồ Tát sau khi kiến tánh liền chứng được Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là nói theo phương tiện sở chứng, Năng Chứng (chủ thể để chứng) là trí huệ, Sở Chứng (cái được chứng) là Pháp Thân thanh tịnh. "Pháp" là vũ trụ vạn pháp, chẳng những là hết thảy pháp trong mười pháp giới mà còn bao quát hết thảy pháp trong Nhất Chân pháp giới. Y báo, chánh báo trang nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, thế giới Tây Phương Cực Lạc của A Di Đà Phật do đâu mà có? Đều do tự tánh biến hiện. Giống như một người nằm mộng, cảnh giới trong mộng đều do tự tánh của chúng ta biến hiện. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, vậy thì phải hỏi quý vị, thứ gì trong mộng là cái thân của quý vị? Cũng có thể nói bất cứ thứ gì trong mộng cũng đều là chính quý vị hay chẳng? Cảnh giới nào trong mộng chẳng phải là chính quý vị? Nếu quý vị hiểu rõ cảnh trong mộng toàn là do tự tánh biến hiện, bản thân ta trong giấc mộng là chính mình, mà kẻ khác trong giấc mộng vẫn là chính mình, núi, sông, đại địa, hư không, thế giới trong giấc mộng cũng là chính mình, đây gọi là "*toàn chân tức là vọng, toàn vọng tức là chân*". Do chư Phật, Bồ Tát biết chân tướng sự thật này, tận hư không, trọn pháp giới là chính ta, ngoài chính ta ra, tìm không được một món thứ hai nào cả! Do vậy, tâm từ bi của họ tự nhiên dấy lên, lòng từ bi ấy gọi là vô duyên đại từ, "*vô duyên*" nghĩa là không có điều kiện.

Nay chúng ta gọi “từ bi” là “yêu thương, che chở chúng sanh, quan tâm tới chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh không điều kiện”. Vì sao không điều kiện? Ta và người chẳng hai! Giúp người khác tức là giúp chính mình, chẳng những ta - người không hai, thưa với quý vị, còn là “*sanh Phật bất nhị*”. “*Sanh*” là chúng sanh, chúng ta nay đang là chúng sanh; Phật là A Di Đà Phật, là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hết thầy chư Phật Như Lai, chúng ta và các Ngài cũng không hai! Không hai như thế nào? Thân ta đây do tự tánh biến hiện, thân chư Phật cũng do tự tánh ấy biến hiện. Năng Biến (chủ thể để biến) là một, Sở Biến (cái được biến hiện) ngàn vạn sai khác. Vì sao có nhiều sai biệt như thế? Cội nguồn của hiện tượng sai biệt là do phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Trong kinh này, đức Phật nói rất hay. Tất cả tướng của hết thầy cảnh giới chỉ do tâm hiện, chỉ do Thức biến. Tâm có thể hiện ra cảnh giới, giống như cảnh giới trong mộng là do tâm hiện. Những cảnh giới được đẩy lên trong mộng ấy biến hóa rất nhiều, đấy là tác dụng của Thức. Thức là tác dụng của vọng tưởng, phân biệt; tách lìa vọng tưởng, phân biệt thì hết thầy những tướng biến hóa ấy sẽ không còn nữa! Không có biến hóa thì là có tướng hay không có? Có Tướng, có Thể, có tác dụng, ấy mới là thật sự viên mãn!

Do vậy học Phật thì chuyện đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát khởi tâm động niệm đều là vì hết thầy chúng sanh trong tận hư không, trọn pháp giới, ý niệm của các Ngài nằm ở chỗ này, chứ chẳng vì một cá nhân ta, cũng chẳng vì gia đình ta, vì một đoàn thể nhỏ của ta, chẳng vì những thứ ấy! Khởi tâm động niệm đều là hư không pháp giới, chẳng bỏ sót chúng sanh nào! Trí huệ như vậy mới là viên mãn! Không phải là chúng ta không có trí huệ! Trí huệ của chúng ta viên mãn giống như trí huệ của chư Phật; vì sao nay lại biến thành ngu si như thế, trí huệ đi về đâu rồi? Phật dạy chúng ta: Trí huệ của chúng ta trọn chẳng hoàn toàn biến mất, chỉ là vì có những chướng ngại nầy sanh trong ấy khiến cho trí huệ của chúng ta chẳng thể khởi tác dụng được, chẳng tỏ lộ được.

Chướng ngại là gì? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Đức Phật đã quy nạp vô lượng vô biên chướng ngại thành hai loại lớn, một loại là Phiền Não Chướng, loại kia là Sở Tri Chướng. Do đâu có phiền não? Do chúng ta chấp nhận, có quan niệm sai lầm, tưởng cái thân chính là ta nên phiền não nầy sanh. Sở Tri Chướng do pháp chấp mà có, ngộ hết thầy vạn pháp là thật có, đấy là sai lầm! Kinh Kim Cang đã giảng rất minh bạch: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ, diệt như điện. Ưng tác như thị quán*” (Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt bóng, như sương, cũng như chớp. Hãy nên quán như thế). Bài kệ này của kinh Kim Cang đã được các khoa học gia hiện thời chứng thực. Hiện thời người ta

ngiên cứu vật lý học không gian, nghiên cứu lượng tử lực học, thấy thực tế hết sức gần giống như những điều đã được nói trong bài kệ này của kinh Kim Cang. Ba ngàn năm sau đức Thích Ca Mâu Ni Phật, khoa học gia mới phát hiện điều này. Từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã nói với chúng ta chân tướng sự thật này, chúng ta chẳng thể không bội phục!

Vì vậy, đức Phật dạy chúng ta: Chỉ cần trừ khử chướng ngại thì trí huệ sẵn có của chúng ta liền hiện tiền. Làm thế nào để trừ khử chướng ngại, đây là một nan đề lớn. Bởi lẽ, có thể nói là hết thầy phạm phu chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã dưỡng thành một thói quen rất xấu, một tập quán tệ hại; tập quán ấy chính là thấy sắc nghe tiếng liền khởi tâm động niệm, rắc rối ở chỗ này. Bản lãnh của chư Phật, Bồ Tát là ở chỗ nào? Các Ngài thấy sắc nghe tiếng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sai biệt ở chỗ này. Chúng ta phải mặc áo, ăn cơm, chư Phật, Bồ Tát cũng phải mặc áo, ăn cơm. Chúng ta mỗi ngày làm việc, Phật, Bồ Tát cũng làm việc. Nói cách khác, chẳng khác gì nhau cả! Chỗ bất đồng là dụng tâm khác nhau! Các ngài dùng chân tâm, chúng ta dùng vọng tâm, vọng tâm có chướng ngại, chân tâm không có chướng ngại. Chân tâm là gì? Vọng tâm là gì? Kinh Đại Thừa đã giảng rất nhiều, đặc biệt giảng tường tận là kinh Lăng Nghiêm. Cổ nhân nói: "*Lăng Nghiêm khai trí huệ*". Câu nói này chẳng phải là không có đạo lý! Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta "*bỏ Thức dùng Căn*", nhằm bảo cụ thể với chúng ta: Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm; chân tâm là gì? Căn tánh trong lục căn chính là chân tâm, nhưng chúng ta sử dụng gì? Chúng ta dùng sáu thức, Thức là gì? Thức là chân tâm bị ô nhiễm, nên gọi là Thức. Bị ô nhiễm bởi gì? Bị ô nhiễm bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biến thành Thức. Thức là vọng tâm. Phương pháp tu hành trong Đại Thừa rất nhiệm mầu mà cũng hết sức cao minh!

Trong bản chú giải kinh Lăng Nghiêm, đại sư Giao Quang, bản chú giải của Ngài có tên là [Lăng Nghiêm Kinh] Chánh Mạch, đặc biệt đề xướng "*bỏ Thức dùng Căn*". Ngài giảng rất minh bạch, rất rõ ràng, rất đơn giản, rất trọng yếu. Điều hết sức đáng tiếc là chúng ta tập khí quá nặng, chúng ta hiểu những đạo lý ấy, cũng hiểu được phương pháp, nhưng không dụng công được. Vì sao vậy? Mắt thấy sắc liền phân biệt, vẫn là chấp trước, nên không có cách nào cả! Trong các buổi giảng, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu, tôi nói rất đơn giản, rất dễ hiểu. Tôi khuyên mọi người mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đừng khởi tâm, đừng động niệm, đừng phân biệt, đừng chấp trước, nói như vậy càng đơn giản, càng dễ hiểu hơn! Nếu quý vị làm được bốn câu này, đấy chính là "*bỏ Thức dùng Căn*" như đại sư Giao Quang đã nói; khi ấy, quý vị thấy Sắc chẳng phải là thấy bằng Nhãn Thức mà là thấy tánh, thấy tánh là thấy gì?

Thấy tánh là thấy Sắc Tánh, chẳng phải là Sắc Trần. Hiện thời chúng ta dùng Nhãn Thức, Nhãn Thức thấy Sắc Trần, Nhãn Thức là vọng tâm, Sắc Trần là ô nhiễm. Tánh Nghe (Văn Tánh) nghe nơi Thanh Tánh, chẳng phải là [nghe nơi thanh] trần. Thiền Tông gọi đây là "*minh tâm kiến tánh*". Mắt thấy Sắc Tánh, tai nghe Thanh Tánh, lưỡi nếm Vị Tánh, chẳng gọi là Lục Trần, mà gọi là Lục Tánh. Tông Môn nói tới "*minh tâm kiến tánh*" thì minh tâm kiến tánh là chuyện gì vậy? Đây chính là lục căn có thể thật sự đối trước cảnh giới sáu trần mà không phân biệt, không vọng tưởng, không chấp trước thì thành công rồi.

Tuy chúng ta chưa làm được, nhưng quý vị hiểu được nguyên lý này, hiểu được phương pháp này, hiểu được chân tướng sự thật, xem nhẹ các duyên trong cõi đời, điểm này rất quan trọng. Nếu quý vị vọng tưởng, chấp trước mỗi năm một nhạt dần, công phu của quý vị sẽ đặc lực, trí huệ của quý vị nhất định mở mang. Vì sao? Phiền não, vọng niệm bớt một phần, trí huệ nơi tự tánh của quý vị sẽ bộc lộ ra ngoài một phần. Vọng tưởng, chấp trước giảm được hai phần, trí huệ sẽ bộc lộ hai phần. Chẳng phải là nói ta phải đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì trí huệ mới tỏ lộ, chẳng phải vậy! Những thứ ấy có tác dụng ngược nhau; trí huệ tăng trưởng thì phiền não nhẹ bớt, phiền não tăng trưởng thì trí huệ cũng giảm ít, chuyện ấy là như vậy đó! Trong thực tại, nếu không đổ công sức vào đây được thì tổ sư đại đức đã dạy chúng ta "thật thà niệm Phật", cách này cũng tuyệt diệu!

Quý vị phải hiểu mẫu chốt của Niệm Phật là hai chữ "thật thà". Thế nào mới gọi là "thật thà"? Thật sự buông xuống hết thảy những sự việc, những chuyện phiền phức trong tâm, mà cũng là nói có những chuyện quý vị chẳng thể không làm. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều làm lụng, đều làm việc, chứ không phải là nói quý vị buông bỏ công việc, buông bỏ công chuyện, chẳng phải vậy! Mà là nói quý vị hãy buông những thứ lo rầu, vướng vẩn trong tâm xuống, đừng suy tưởng những chuyện ấy nữa! Cũng có những kẻ nói chúng tôi làm những công việc này nọ muốn không suy tưởng thì làm sao thực hiện công việc ấy cho tốt đẹp được? Thật ra, đây là quan niệm sai lầm! Quý vị suy nghĩ, dò xét, tức là sử dụng vọng tâm, tâm ý thức, tránh sao khỏi làm gì cũng đều chẳng viên mãn? Nếu quý vị không dùng tâm tư để suy xét, khi làm thì quý vị nghiêm túc làm, khi không làm thì trong tâm sạch sẽ, một vọng niệm cũng chẳng có; tốt nhất là thật thà niệm Phật, đây là tốt nhất! Khi công việc đang hiện hữu, quý vị sẽ sanh trí huệ, trí huệ hiện tiền; há lẽ nào có chuyện gì lại làm không tốt ư? So ra, trí huệ cao minh hơn suy lường nhiều lắm!

Nếu quý vị không tin tưởng, trong số quý vị rất nhiều đồng tu đã theo tôi bao nhiêu năm, quý vị thấy những vị đồng tu học giảng kinh. Gần đây nhất có những vị xuất gia trẻ tuổi học giảng kinh, quý vị thấy họ dùng trí suy nghĩ, dùng suy lường vào đó: Ban đêm viết bút ký đến ba bốn giờ đêm không ngủ nghỉ, dụng công như thế, nhưng khi lên giảng đài thì sao? Khi lên giảng đài, tôi lắng nghe, họ đều không thể trình bày được ý tưởng, còn tôi thì sao? Tôi không đọc. Về căn bản là tôi không đọc bản kinh, tôi cũng không chuẩn bị. Đến giờ thì pháp sư còn có hai phút nhanh chóng mặc áo, đi tới nơi. Tôi giảng chỗ nào cũng hợp đạo, do nguyên nhân gì vậy? Khi chẳng giảng kinh, trong đầu rỗng rang, vật gì cũng chẳng có. Khi mở cuốn kinh ra thì vô lượng nghĩa, nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, rất đại tự tại! Đây chẳng phải là một chứng minh rất tốt ư? Vì sao lại muốn suy nghĩ loạn xạ? Chuẩn bị bài giảng là suy nghĩ loạn xạ. Thế nhưng cũng rất đáng thương, khi không chuẩn bị thì khi lên giảng đài, một câu người ấy cũng không thốt ra được, họ gặp khó khăn ở chỗ này. Nguyên nhân là do đâu? Do tập khí phiền não quá nặng; nếu người ấy không nghĩ đến kinh thì sẽ nghĩ ngợi đủ thứ loạn xạ, chẳng thể nào không nghĩ ngợi. Tu hành có công phu là gì? Người có công phu tu hành không có vọng tưởng, không có ý niệm. Quý vị phải hiểu: Không có ý niệm thì tâm thanh tịnh. Quý vị thấy Vô Lượng Thọ Kinh là thanh tịnh, bình đẳng, giác, không có ý niệm là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Kinh Bát Nhã dạy "*Bát Nhã vô tri*", đây là chân trí huệ, vô tri là chân trí huệ, là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi lên tác dụng là vô lượng trí huệ, không gì chẳng biết. Đạo lý này rất sâu, rất rộng!

Thuở trước, đại khái là khoảng mười mấy năm trước kia, tôi có một người bạn cũ, địa vị cũng rất cao, đương nhiên công việc rất bận rộn. Có một lần gặp mặt nhau, ăn cơm với nhau, ông ta nói mình đã già quá rồi (khi ấy, ông ta ước chừng sáu mươi mấy tuổi), mệt mỏi quá, thể lực lẫn tinh thần đều kém trước kia. Tôi dạy ông ta một phương pháp, tôi nói ông vào mỗi sáng sớm, hãy tịnh tọa mười phút, chẳng cần phải ngồi xếp bằng, không cần! Ông ngồi trên sofa cũng được, ngồi thoải mái trên sofa để cho thân thể được thả lỏng, đừng có chút căng thẳng nào, trong đầu chẳng nghĩ đến thứ gì. Nếu ông ngồi mỗi sáng mười phút, tinh thần lẫn thể lực của ông rất dễ khôi phục. Vì thân thể mệt mỏi chẳng do lao lực mà là lao tâm, vọng niệm quá nhiều, vướng mắc, lo nghĩ quá nhiều, dễ tổn thương con người nhất!

Người thật sự tu hành công phu đặc lực suốt một ngày từ sáng đến tối không có vọng tưởng, đây gọi là "công phu đặc lực". Quý vị có thể tự khám nghiệm công phu của chính mình, vọng tưởng năm nay của quý vị so với năm ngoái như thế nào? Nếu như ít hơn năm ngoái thì quý vị có tiến bộ. Nói thật ra, quý vị tiến bộ thì chúng tôi đều có thể thấy được, thấy từ chỗ nào?

Dung mạo quý vị nhất định mỗi năm một tươi trẻ hơn, thân thể nhất định mỗi năm mạnh khỏe hơn, công phu đắc lực đấy! Nếu quý vị học Phật nhiều năm như thế mà thân thể ngày càng yếu ớt, tướng mạo ngày càng khó coi, hồng rôi! Quý vị tu uổng công rồi! Quý vị tu hoàn toàn sai rồi! Đây là những trường hợp chúng tôi thường trông thấy, thường gặp gỡ, chính mình nhất định phải biết. Tu hành không có chi khác, chính là tu cái tâm thanh tịnh, "thanh tịnh, bình đẳng, giác" mà! Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta, nếu quý vị đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác thì sau đây là quả báo, là vô lượng thọ, trang nghiêm. Tôi vừa mới nói với quý vị, vô lượng thọ là thân thể mạnh khỏe, trang nghiêm là dung mạo rạng rỡ, đây là do thanh tịnh, bình đẳng mà đạt được. Vì thế, người học Phật tu hành tối kỵ nhất là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy phiền toái lắm. Do vậy, đây là "Trí Thân".

Câu thứ ba nói tới "Thập Lực Trí" là nói tới quả địa Như Lai có mười thứ năng lực đặc biệt thù thắng, chẳng những phàm phu chúng ta không thể sánh bằng, Bồ Tát cũng chẳng thể sánh bằng. Ở đây không cần phải giảng mười lực, trước kia tôi đã nói rất nhiều rồi, nếu giảng thì hai tiếng đồng hồ cũng chưa giảng xong, cho nên lược đi. Cần phải giảng là chữ Trí ở phần sau. Thông thường chúng ta gọi là Thập Lực, sao ở đây gọi là Trí? Quý vị phải biết rằng: Không có trí huệ chân thật thì mười thứ năng lực sẽ chẳng thể viên mãn rất ráo. Tất cả hết thảy những thứ đại viên mãn đều là trí huệ. Do vậy, Phật pháp từ đầu đến cuối là "cầu đạt trí huệ". Cách nói thông thường đơn giản nhất, mấu chốt nhất là Tam Học, Giới, Định, Huệ Tam Học. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Phật pháp lấy trí huệ làm mục đích. Giới là phương tiện của phương tiện, mục đích nhằm khai trí huệ, Định cũng là phương tiện, Trí huệ hiện tiền thì mới đạt viên mãn rất ráo. Do vậy, sau chữ Thập Lực có chữ Trí.

Môn thứ tư: "Vô ngại trí", "trí tắc minh liễu vi kiến". Cái vô ngại ấy đặc biệt là như kinh Hoa Nghiêm nói "Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại" đạt đến mức viên mãn! Ý nghĩa này, chúng tôi chưa lần nào giảng giải cặn kẽ, vì sao vậy? Đối với hội chánh của bộ kinh này, lần này chúng tôi chưa giảng hội chánh ấy, vừa mở đầu liền giảng ngay hội cuối, tức là giảng năm mươi ba lần tham học. Giảng bắt đầu từ chương Thập Tín của Văn Thù Bồ Tát, phần đầu của hội này chúng tôi đã lược đi, nhưng trong tương lai chúng tôi còn có thể giảng bù, nhất định sẽ giảng viên mãn kinh này. Vì sao bỏ hội chánh để giảng hội cuối cùng? Cũng là nhằm thích hợp với căn cơ của mọi người, trong hội cuối, năm mươi ba lần tham học náo nhiệt, rất thú vị, chúng ta học xong liền áp dụng được; đúng là học rồi dùng liền, thật sự có thể áp dụng vào cuộc sống để đạt được lợi ích thù thắng trong Phật pháp. Trí huệ

là thông đạt, hiểu rõ không chướng ngại; vì thế dùng chữ Kiến này, "*thập chủng kiến Phật*" (mười loại thấy Phật). Cho thấy sự Thấy này trọn chẳng phải là thấy bằng mắt, mà là "*trí kiến*" (thấy bằng trí), trí thông đạt, trí hiểu rõ.

Hai câu thứ năm và thứ sáu là nói tới:

Pháp giới Phật, danh vi Pháp Thân.

法界佛，名為法身。

(Pháp giới Phật, gọi là Pháp Thân)

Trong câu kinh văn thứ năm và thứ sáu nơi phần trước, quý vị không gở lại phần trước cũng không sao. Chúng tôi đọc một lượt, quý vị nghe là được rồi. "*Biển chiếu thập phương vô sai biệt tạng Niệm Phật môn, phổ kiến nhất thiết chư thể giới trung đẳng vô sai biệt chư Phật hải cô*" (Môn niệm Phật chiếu khắp các tạng không sai biệt trong mười phương, do thấy trọn khắp biển chư Phật bình đẳng vô sai biệt trong hết thảy các thể giới). Đây là câu thứ năm; do vậy, môn thứ năm là:

Nhất thiết giới trung vô hữu sai biệt.

一切界中無有差別。

(Trong hết thảy giới không có sai biệt)

Môn sau đó chính là câu thứ sáu: "*Nhập bất khả kiến cực vi tế xứ niệm Phật môn, triệt kiến nhất thiết vi tế cảnh trung Như Lai thần biến tự tại sự cố*" (Môn niệm Phật vào trong những chỗ nhỏ nhiệm chẳng thể thấy được, do thấy thấu suốt những sự thần biến tự tại của Như Lai trong hết thảy cảnh nhỏ nhiệm). Đây chính là:

Nhập bất khả kiến vi tế nan tri, tịnh pháp thân tướng, vi phổ chí kiến.

入不可見微細難知。並法身相，為普至見。

(Vào trong những chỗ nhỏ nhiệm khó biết không thể thấy và tướng Pháp Thân, là Phổ Chí Kiến).

Phổ (普) là phổ biến, Chí (至) là đạt tới chỗ nhỏ nhiệm nhất. Quý vị đều thấy được pháp giới là Tướng Phần¹[1] của bản tánh. Trong Phật pháp, đặc

[1] Tướng Phần là một thuật ngữ trong Duy Thức chỉ đối tượng nhận biết của nhận thức và cảm giác. Chẳng hạn khi ta nhìn một bông hoa, thì cái thấy biết bông hoa ấy gọi là Kiến Phần, còn bông hoa ấy là Tướng Phần của sự thấy biết đó.

biệt là kinh Hoa Nghiêm, tựa đề kinh Hoa Nghiêm được bắt đầu bằng "Đại Phương Quảng", ba chữ này nói lên Thể, Tướng, Dụng (tác dụng). Đại là khen ngợi Thể không có cách nào hình dung được; chỉ có thể dùng chữ Đại để tán thán. Phương là khen ngợi hiện tướng, Thể nhất định hiện tướng, đã có hiện tướng thì nhất định khởi tác dụng. Tác dụng quá rộng, quá sức rộng (quảng), cho nên ba chữ Đại Phương Quảng là nói lên Thể, Tướng, Dụng. Trong đoạn kinh văn này, câu thứ nhất: Bản tánh là Thể, Pháp Thân là Tướng, những điều được nói sau đó đều thuộc về tác dụng (Dụng), ý nghĩa rộng rãi. Bởi lẽ, pháp giới là Tướng Phần của tự tánh, do tự tánh biến hiện ra. Chúng ta thường thấy trong kinh nói "*tận hư không, biến pháp giới*" (tận hư không, trọn khắp pháp giới); nói thật ra, nghe câu ấy, đọc câu ấy, đối với ý nghĩa của câu ấy, đại đa số đều hàm hồ, mờ mịt, trọn chẳng hiểu rõ rệt. Tận hư không, trọn khắp pháp giới, rốt cuộc hư không pháp giới ấy to tới cỡ nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta là "*bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả tư nghị*" (chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả, chẳng thể nghĩ bàn).

Hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng vô tuyến điện viễn vọng kính, thiên văn viễn vọng kính để thăm dò những tinh cầu ở rất xa chúng ta. Khoảng cách trong không gian được tính bằng quang niên (năm ánh sáng), tức là lấy tốc độ ánh sáng đạt tới trong một năm làm đơn vị. Khoa học kỹ thuật hiện thời có thể thăm dò, gần như là thăm dò được ánh sáng từ mấy ức năm trước chiếu tới chỗ chúng ta, như thế là đã rất phi thường rồi! Chúng ta thăm dò hệ Ngân Hà, ngoài hệ Ngân Hà, ngày nay chúng ta thật sự gọi đó là "*ngoại thái không*" (không gian bên ngoài), nhưng trong kinh đức Phật đã giảng với chúng ta về một đại thiên thể giới này, chúng ta áp dụng những kỹ thuật khoa học cận đại mà vẫn gần như chưa đạt đến một đại thiên thể giới, làm sao hiểu được đây? Chúng ta dựa theo cách tính toán si ngốc nhất, chứ thật ra, những con số trong Phật pháp đều là khái lược, chẳng phải là những con số nhất định đích xác, quý vị phải biết điều này! Trong ấy, luôn có thể tùy thời tùy chỗ mà tăng, giảm, nhân lên, chia ra, vì nguyên nhân nào? Cảnh chuyển theo tâm, y báo chuyển theo chánh báo, nghiệp lực của chúng sanh khác nhau. Vì thế, hoàn cảnh thường xuyên đổi dời, đâu có thể nói nhất định được? Do vậy, những con số do đức Phật nói đều là khái lược.

Ví như Ngài nói một đơn vị thể giới; trước kia chúng tôi cho rằng một đơn vị thể giới là một Thái Dương Hệ²[2]. Trước kia, chúng tôi luôn tưởng là

²[2] Thái Dương Hệ là một hệ thống các tinh tú do mặt trời làm trung tâm, tạo ra sức hút buộc các thiên thể khác phải quay quanh nó theo một quỹ đạo nhất định. Trong một Thái Dương Hệ ngoài mặt trời còn có 8 hành

như vậy, một Thái Dương Hệ thôi! Thế nhưng quý vị đọc phần sau bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có phụ thêm mấy bài viết. Cụ là một nhà khoa học, Cụ dạy môn vô tuyến điện và điện cơ (máy điện) tại đại học Bắc Dương. Cụ nhận định, một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật chính là cái chúng ta thường gọi hiện thời là một hệ Ngân Hà³[3], thật là phi thường! Nếu một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới thì kinh dạy một ngàn đơn vị thế giới là một tiểu thiên thế giới thì một tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà, lấy đó làm đơn vị. Sau đấy, lại gộp một ngàn tiểu thiên thế giới thành một trung thiên thế giới, lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, tập hợp một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Khu vực giáo hóa của một đức Phật gọi là tam thiên đại thiên thế giới, bởi vì trong ấy có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên chứ trọn chẳng phải là nói một đại thiên thế giới chỉ có ba ngàn cõi. Nếu hiểu [tam thiên đại thiên là ba ngàn cõi đại thiên thì] như vậy là quý vị lại lầm rồi. Tam thiên đại thiên thế giới là một đại thiên thế giới, một ngàn nhân một ngàn, lại nhân cho một ngàn nữa, tức một trăm ức hệ Ngân Hà. Khoa học kỹ thuật hiện thời của chúng ta vẫn chưa có cách nào thăm dò được một trăm ức hệ Ngân Hà, vẫn chưa đạt tới. Đại khái là với khoa học kỹ thuật hiện thời có thể thăm dò được một tiểu thiên thế giới. Đức Phật dạy chúng ta: Trong hư không chẳng biết là có bao nhiêu thế giới Phật như vậy, không cách nào tính được, vô lượng vô biên mà!

Đấy gọi là gì? Pháp giới! Phật lấy pháp làm thân, không chỉ mình Phật, ở đây đức Phật còn dạy chúng ta: Bạc Sơ Trụ Bồ Tát lấy pháp giới làm thân. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân; do vậy, dùng cái tâm giống với chư Phật Như Lai, dùng chân tâm, không còn dùng tâm ý thức nữa. Chúng ta thường nói tới năm mươi một Tâm Sở của tám thức, trong Viên Giáo, từ bậc Sơ Trụ trở lên không còn dùng những tâm này nữa. Phạm những ai sử dụng năm mươi một Tâm Sở trong tám thức đều thuộc trong mười pháp giới. Mười pháp giới là chẳng thể đột phá giới hạn, chẳng dùng tâm ý thức thì sẽ đột phá được; hễ đột phá được rồi thì sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. Bạc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo kế nhập Nhất

tinh (planet, tức các thiên thể có khối lượng cố định, không tự phát sáng, như địa cầu, Thổ Tinh, Kim Tinh, Thủy Tinh v.v...), hơn 165 vệ tinh (các tiểu hành tinh xoay quanh một hành tinh khác, như mặt trăng chẳng hạn) và rất nhiều tiểu thiên thể khác (small solar system bodies).

³[3] Ngân Hà Hệ (Milky way, Galaxy) là hệ thống các tinh tú, mà Thái Dương Hệ chỉ là một phần nhỏ của nó. Theo ước tính, một Ngân Hà Hệ có khoảng hơn hai ngàn hằng tinh (star, như mặt trời chẳng hạn, hằng tinh có khả năng tự phát sáng, khác với hành tinh. Hành tinh không có khả năng tự phát sáng và thường quay quanh một hằng tinh), có những chòm sao (constellation) và các tinh vân (nebula), tạo thành một khối sáng có hình dạng giống như một cái đĩa tròn hình xoáy ốc, có đường kính khoảng 100.000 quang niên, gồm hơn 400 tỉ ngôi sao.

Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là pháp môn Bất Nhị. Trong ấy không có Năng, Sở, chẳng phải là không có những chuyện thuộc vào Năng - Sở, mà là không có ý niệm Năng - Sở. Bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo nhập cảnh giới này. Vì thế trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã bảo rõ với chúng ta, "chư Phật Như Lai" được nói trong kinh Kim Cang chính là các bậc Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, những vị Phật ấy gồm bốn mươi một địa vị. Vì sao vậy? Họ kiến tánh rồi, "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", thấy được một phần cũng là chân Phật, không phải là giả Phật. Bất quá, những vị Phật ấy chưa phải là Phật viên mãn. Vì thế, tông Thiên Thai gọi họ là Phần Chứng Phật, họ mới chứng được mấy phần, chưa được viên mãn, đấy gọi là Pháp Thân [đại sĩ]. Như vậy là chứng được Pháp Thân thì cần phải có trí huệ, phải là trí huệ chân thật; trí huệ chân thật là Vô Phân Biệt Trí, hễ có phân biệt thì không có cách gì đạt được trí huệ cả, chắc chắn quý vị không thể nhập vào cảnh giới này! Để nhập cảnh giới ấy thì hết thảy đều vô phân biệt, quý vị mới có thể nhập được. Có mảy may phân biệt, chấp trước thì quý vị hãy còn ở trong phạm vi của tám Thức; nói cách khác, quý vị ở trong lục đạo, trong mười pháp giới, quý vị chẳng thể vượt thoát được. [Muốn vượt thoát được thì] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều phải buông xuống hết.

Do vậy, "*trong hết thảy giới không có sai biệt*". Lời chú giải này của đại sư Thanh Lương so ra đơn giản hơn kinh văn rất nhiều, Ngài chỉ dùng mấy chữ để giải quyết vấn đề. Chúng ta muốn học, đối với kinh văn thì cảm thấy khó khăn, còn theo lão nhân gia khai thị thì thấy dễ dàng, học cách nào đây? "*Trong hết thảy pháp không có sai biệt*", quý vị chỉ cần dụng công tại đó là được rồi. Từ sai biệt rất lớn, sai khác hết mức, hãy dụng công nơi đó, gạt bỏ hết những phân biệt, vọng tưởng. Tôi cũng thường dạy các vị đồng tu, cái quan niệm sâu đậm nhất, khó đột phá nhất của mọi người chúng ta là "*ân oán*": Kẻ kia là thân nhân hay oan gia đối đầu của ta, sự sai biệt ấy lớn lắm! Khi nào quý vị có thể coi oán thân không hai, oán thân bình đẳng thì quý vị nhập vào cảnh giới này, đấy là cảnh giới không sai biệt, đấy là tu pháp bình đẳng, tu tâm thanh tịnh.

Thực hiện từ chỗ nào? Tôi cũng dạy người khác áp dụng một pháp phương tiện. Quý vị thấy mình mỗi ngày lạy Phật, hiện thời đối với ta, Phật thân thiết nhất, đáng tôn kính nhất, quý vị hãy đem bài vị của kẻ oan gia đối đầu thờ bên cạnh Phật. Mỗi ngày lễ Phật cũng lạy luôn người đó, tưởng Phật thì cũng tưởng luôn người đó giống như Phật không khác gì nhau, dùng phương pháp ấy để tu pháp bình đẳng. Thế nhưng cũng có đồng tu đến nói với tôi: "Sư phụ ơi! Con đã lạy suốt ba năm vẫn không xong! Vẫn cứ nổi nóng, công phu vẫn không đắc lực!" Người ấy hỏi tôi làm cách nào?

Cứ tiếp tục lạy đi, chẳng cần phải thay đổi! Tuy chưa đắc lực, nhưng nói chung có một chút công phu, quý vị cứ tiếp tục lạy, không ngừng tăng cường; nói chung sẽ có ngày ta coi kẻ ấy bình đẳng như ta, quý vị sẽ cảm thấy oán thân bình đẳng, khi ấy, quý vị đã đạt được thanh tịnh, bình đẳng, quý vị mới nhập được pháp giới. Quý vị vẫn thấy người này thì vui vẻ, thấy người khác không thuận mắt, hồng rồi! Đây là tạo lực đạo luân hồi, miệng niệm A Di Đà Phật nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chẳng thể giải quyết vấn đề được đâu! Do vậy, đây là một thử khảo nghiệm, "*trong hết thảy giới không có phân biệt*", phải dùng công phu ấy.

Chúng ta niệm Phật cũng phải dùng công phu ấy. Hễ công phu ấy được đắc lực một chút thì chúng ta sẽ vãng sanh không bị chướng ngại. Nếu công phu ấy không hữu dụng, hoàn toàn bất lực thì khi vãng sanh, oán gia trái chủ đều kéo tới, đấy là lúc mấu chốt, quý vị làm thế nào đây? Nhất định phải công phu đắc lực, tự mình làm chủ được! Công phu thật sự đắc lực thì không có gì khác cả, chỉ buông xuống mà thôi! Vì sao quý vị thấy oán thân bất bình đẳng? Do quý vị không buông yêu ghét xuống được! Người thân, tham ái buông xuống, oan gia đối đầu, sân hận cũng buông xuống thì không phải là bình đẳng rồi sao? Mấu chốt là ở chỗ quý vị không buông xuống được!

Kế tiếp là môn thứ sáu: "*Nhập bất khả kiến vi tế nan tri*" (Vào trong những chỗ nhỏ nhiệm khó thể thấy, khó biết). Nói thật ra, đối với những nhà vật lý học trong hiện thời, bọn họ phân tích vật chất, phân tích nguyên tử, điện tử, lạp tử cơ bản (elementary particles), đều là "*nhập vi tế nan tri*", nhập trong cảnh giới ấy. Do vậy, vật lý không gian hiện thời đi theo hai phương hướng: Một là nghiên cứu không gian, hai là đào sâu vào những lạp tử cơ bản nhỏ nhất. Đi theo hai cực đoan là hiện tượng trong nghiên cứu không gian hiện thời. Hai cực đoan ấy đều có liên quan mật thiết với Phật pháp. Những nhà khoa học ấy không đọc kinh Hoa Nghiêm; nếu họ đọc kinh Hoa Nghiêm, nhất định sẽ tìm được rất nhiều khai thị; hết sức đáng tiếc, bọn họ không có duyên phận này!

Lớn như hư không pháp giới, nhỏ như vi trần, nhỏ nhất trong những thứ cực nhỏ, đều được Phật học gọi bằng danh từ "*pháp giới*", đấy đều là Pháp Thân Tướng. Tận hư không, trọn pháp giới là tướng lớn lao của Pháp Thân; nhỏ nhất trong những gì cực nhỏ là tướng nhỏ của Pháp Thân. Nếu quý vị hiểu lớn và nhỏ không hai thì quý vị mới thật sự chứng nhập được. Kinh Hoa Nghiêm nói tới Sự Sự Vô Ngại, "*giới tử nạp Tu Di*" (trong hạt cải chứa đựng Tu Di), đấy là Phật đã nêu một tỷ dụ cho chúng ta. "*Giới tử*" là hạt cải, đại

khái hạt cải to chừng bằng hạt mè, đem núi Tu Di nhét vào hạt cải, hạt cải không phình to, núi Tu Di không rút nhỏ, vẫn nhét vào được; cho thấy lớn và nhỏ không hai, vì sao có thể buông xuống được? Là vì to như núi Tu Di, "*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*", nhỏ như hạt cải thì cũng "*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*", giống như zéro đem hợp với zéro, làm sao không đi vào nhau cho được? Nay chúng ta vì sao không đi vào được? Chấp trước đây mà! To như vậy làm sao lọt cho được? [Nghĩ như vậy] cho nên không lọt. Do vậy, vọng tưởng, chấp trước liền khởi tác dụng, quý vị không lọt qua được, vì sao quý vị không lọt qua được? "*Ở đây có tường, tôi không đi qua được*" liền không đi qua được! Nếu quý vị không chấp trước có tường thì quý vị sẽ đi qua được. "*Người kia có thần thông*", thần thông là gì? Trong tâm người ấy không khởi tâm, không động niệm, khởi tâm động niệm bèn có chướng ngại, đạo lý là như vậy đó!

Giống như một câu chuyện do pháp sư Viên Anh đã kể trong lời tựa cho bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, lời tựa ấy rất dài. Đây là chuyện của chính Ngài, đại khái câu chuyện ấy được ghi trong lời tựa của bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa. Ngài kể có một hôm Ngài tịnh tọa trong phương trượng thất, tâm rất thanh tịnh; đột nhiên có một chuyện, Ngài nghĩ đến chuyện ấy liền lập tức đi làm, lúc đứng dậy liền đi ra khỏi phòng. Đi ra xong, Sư mới nghĩ vừa rồi ta đứng dậy chưa mở cửa, làm sao đi ra được? Quay trở lại coi, cửa vẫn còn gài chốt, làm sao đi ra được? Tức là khi Sư đi ra, không hề nghĩ đến cái cửa này. Sư vẫn từ cửa đi ra, nhưng không nghĩ đến cửa đã khóa chẳng thể đi ra được, không khởi lên ý niệm ấy, Ngài liền đi xuyên qua cửa, trở vào không được vì đã khóa bên trong rồi! Do vậy, lão nhân gia kể ra câu chuyện này cho thấy tất cả chướng ngại đều là do ta khởi phân biệt, chấp trước. Khi tách lìa hết thấy phân biệt, chấp trước thì không có chướng ngại nữa! Ở đây nói tới tướng lớn và tướng nhỏ của Pháp Thân, không phải là nói tới núi Tu Di, núi Tu Di làm sao so sánh [với tướng của pháp giới] cho được? Ở đây nói tới pháp giới to đùng, vi trần bé tí, nhưng là một, không phải hai. Vì thế, chúng có thể chứa đựng, biến hiện lẫn nhau không bị chướng ngại. "*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*". Từ trong một vi trần có thể thấy tận hư không, trọn pháp giới. Do vậy, trong kinh nói chư Phật Như Lai chuyển đại pháp luân trên "*mao đao*", "*mao đao*" là đầu của sợi lông trên thân, cũng là nói tới vật rất nhỏ. Mở pháp hội lớn giảng kinh, thuyết pháp trên đầu một sợi lông, đầu sợi lông không phóng lớn, pháp hội của Ngài cũng không rút nhỏ. Những chuyện như vậy được kinh Hoa Nghiêm nói tới rất nhiều; đây thật sự là đạt được đại tự tại. Chúng ta đọc Hoa Nghiêm hết sức tán phục, hâm mộ cảnh giới ấy. Đức Phật đã nói đây là điều chính

chúng ta vốn sẵn có, chẳng phải từ bên ngoài mà có, hiện thời cũng chẳng mất đi, chỉ tạm thời bị chướng ngại mà thôi!

Trừ khử được chướng ngại thì năng lực, cảnh giới, thọ dụng đều hiện tiền. Đạo lý, phương pháp được nói rất nhiều, đáng tiếc là chúng ta phiền não, tập khí quá nặng, chúng ta vẫn chẳng thể chiếu theo lý luận, phương pháp ấy để dụng công được. Điều này cho thấy rõ: Vì lòng đại từ đại bi, đức Phật dạy chúng ta pháp môn Niệm Phật; chỉ cần quý vị thật thà niệm, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm sẽ hiện tiền, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới ấy hiện tiền chẳng phải là do chúng ta có năng lực đặc biệt gì cả! Nói thật ra, bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đây là duyên. Trí huệ, đức năng sẵn có trong tự tánh là nhân. Nhân duyên tụ hội thì thọ dụng liền hiện tiền. Niệm Phật có đạo lý rất sâu, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, "*cùng với tướng của Pháp Thân*" thành hai môn, môn trước là một môn lớn "*trong hết thảy giới không có sai biệt*". Phần sau nói: "*Vào trong vi tế khó biết*", đều là tướng trạng của Pháp Thân, đây thật sự là minh tâm kiến tánh.

Lại xem tiếp phần dưới:

Thất bát nhị môn trụ trì Phật, danh lực trì thân.

七八二門是住持佛，名力持身。

(Môn bảy và tám là Trụ Trì Phật, gọi là Lực Trì Thân)

Môn trước là môn thứ bảy, môn sau là môn thứ tám.

Tiền môn đa kiếp, hậu môn đa thời. Tịnh tự lực trì, thường linh vật kiến, vị Tùy Thuận Kiến.

前門多劫。後門多時。並自力持，常令物見，為隨順見。

(Môn trước là nhiều kiếp, môn sau là nhiều thời, đều được gìn giữ bằng tự lực khiến cho chúng sanh thường được thấy, ấy là Tùy Thuận Kiến).

"Kiến" là thấy Phật. Đối với hai câu "*tùy thuận kiến Phật*" (tùy thuận thấy Phật) và "*trụ trì Phật*", chúng ta hãy đọc kinh văn: "*Trụ chủng chủng kiếp niệm Phật môn*", tác dụng của nó là "*ư nhất thiết kiếp thường kiến chư Phật thí tác Phật sự, hàm thân cận cố*" (Trong hết thảy kiếp thường thấy chư Phật thực hiện Phật sự, đều thân cận). "*Chủng chủng kiếp*" (Các thứ kiếp) thường được kinh Đại Thừa nói tới, Kiếp (kalpa) là một đơn vị thời gian. Trong một đại kiếp có bốn trung kiếp, Thành, Trụ, Hoại, Không; bốn trung kiếp ấy khác nhau, Thành, Trụ, Hoại, Không chẳng giống nhau. Vì thế gọi là "*chủng chủng kiếp*". "*Trụ chủng chủng kiếp Niệm Phật môn*", tức là

trong hết thảy kiếp thường thấy có chư Phật làm Phật sự. Những Phật sự do chư Phật thực hiện là gì? Chúng ta nhất định phải hiểu thật rõ ràng, thật minh bạch câu này. Chư Phật này là do từ tiếng Phạn dịch ra, có nghĩa là giác ngộ. Vì thế "*Phật sự*" là giác ngộ chúng sanh. Nếu nói theo cách thông thường thì những chuyện giúp đỡ cho hết thảy chúng sanh giác ngộ đều gọi là "*Phật sự*". Giảng kinh là Phật sự, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, sống cũng là Phật sự, làm việc cũng là Phật sự. Nói cách khác, từ sáng đến tối từng ly từng tí đều là Phật sự. Chúng sanh nếu là kẻ thông minh lanh lợi trông thấy những việc các Ngài làm đều giác ngộ.

Nguyên tắc chánh yếu nơi đây là "các Ngài làm nhưng không làm, không làm mà làm". Quý vị quán sát từ đạo lý này, quý vị sẽ giác ngộ. Không phải là các Ngài không làm, các Ngài rất tích cực thật sự làm, làm việc rất có trách nhiệm, chẳng trụ vào Không. Thế nhưng trong tâm không vướng mắc chuyện ấy, trong tâm không có việc gì, không vương vấn may mắn nào, chẳng trụ vào Có! Cả hai bên Không và Có đều chẳng trụ, đó gọi là Trung Đạo. Do vậy, Bồ Tát, chư Phật thị hiện, các Ngài sanh sống là Trung Đạo, làm việc là Trung Đạo, xử sự, đãi người, tiếp vật, từng ly từng tí không gì chẳng phải là Trung Đạo. Chẳng giống như phàm phu trong lục đạo chấp vào Có, lầm rồi! Chấp Có sẽ luân hồi trong lục đạo. Thanh Văn, Duyên Giác chấp Không, Chấp Không thì sao? Chẳng khởi tác dụng, chuyện gì cũng đều chẳng làm, chẳng khởi tác dụng, có Thể nhưng không có công dụng, phàm phu có Dụng nhưng không có Thể. Chư Phật Bồ Tát có Thể có Dụng, đấy mới gọi là viên mãn.

Do vậy, thường thấy chư Phật "*thí tác*" Phật sự trong ấy, Thí (施) là Bồ Thí, mà cũng là như trong kinh đã nói: "*Vị nhân diễn thuyết*" (Vì người khác diễn nói). "*Diễn*" là biểu diễn, làm cho người khác xem. "*Thuyết*" là người ta có nghi vấn gì nêu lên liền giải đáp cho họ, đấy là "*thuyết*". Do vậy, nói hay không nói đều là Phật sự. Những vị Bồ Tát ấy "*hàm thân cận cố*" (đều cùng thân cận). "*Thân cận*" có nghĩa là gì? Trông thấy, nghe tới, tiếp xúc, trong tâm có lãnh ngộ, đấy chính là "*thân cận*"; chứ không phải là nói suốt ngày từ sáng đến tối lẫn quần dưới chân Phật không rời đi, [làm như vậy] cũng vô ích. Quý vị không lãnh hội được thì sẽ không thể khai ngộ; vì thế phải hiểu được dụng ý của đức Phật nơi lời nói, tạo tác, không gì chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh khai ngộ mà thôi! Đấy gọi là "*thí tác Phật sự*".

Câu thứ tám: "*Trụ nhất thiết thời*" (Trụ trong hết thảy thời). Phần trước là "*kiếp*", phần này là "*thời*". "*Trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, ư nhất thiết thời thường đắc kiến Phật, dữ Phật đồng trụ bất tương ly cố*"

(Môn niệm Phật trụ trong hết thảy thời, trong hết thảy thường được thấy Phật cùng ở chung với Phật chẳng tách lìa). Phạm vi của "hết thảy thời" nhỏ hơn so với kiếp. Kiếp có Thành, Trụ, Hoại, Không. Nếu luận đến thời thì như trên địa cầu của chúng ta hiện thời, có Xuân, Hạ, Thu, Đông, có "ngày ba thời, đêm ba thời", hiện nay chúng ta gọi là hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Trong hết thảy thời thường được thấy Phật, Phật là gì? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, quý vị có thấy A Di Đà Phật hay không? Không thấy được! A Di Đà Phật đang ở đâu? Từ trước đến nay, A Di Đà Phật chưa hề lìa khỏi mắt quý vị, suốt ngày từ sáng đến tối chưa hề tách rời, từ trước đến nay chưa hề tách rời tai quý vị, ở ngay bên thân quý vị, đáng tiếc là quý vị nhìn không thấy! Vì sao vậy? Trong Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rất hay! Đức Thế Tôn hỏi A Nan có muốn thấy Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hay không? Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là A Di Đà Phật. Quý vị có thể thấy Sắc nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì tâm quý vị chẳng thanh tịnh ư? Tất cả hết thảy cảnh giới đều là A Di Đà Phật, thấy được Phật trong hết thảy sự, quý vị từ trước đến nay chưa hề tách rời Phật, sao có thể nói là "Phật chẳng hiện tiền" được ư? Nhất định phải chú tâm thấu hiểu điều này.

Do đây biết rằng: Pháp môn Niệm Phật này quả thật sâu rộng vô hạn, đức Phật này gọi là Trụ Trì Phật, Trụ là trụ trong thời này, kiếp này, Trì là giữ gìn không để mất. Trong Tông Môn có một câu nói: "*Khai ngộ thành Phật*". Thành Phật rồi, Ngài trông thấy chúng sanh trong đại địa đều thành Phật đạo. Câu nói có ý nghĩa gì, chúng tôi vừa mới nói đấy thôi! Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là thanh tịnh bình đẳng giác, chẳng phải là tình lẫn vô tình đều cùng viên thành Chung Trí ư? Chẳng phải là hết thảy chúng sanh cùng thành Phật đạo ư? Chính là khi quý vị thành Phật đấy. Bởi vậy, quý vị muốn biết khi nào quý vị thành Phật thì khi quý vị thấy tất cả hết thảy cảnh giới đều thanh tịnh bình đẳng, quý vị đã thành Phật rồi!

Thưa quý vị, đối với sự thành Phật ấy, trong kinh Hoa Nghiêm, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác đã nhập cảnh giới ấy. Vì vậy, vị Phật ấy là Phần Chứng Phật, chứ chưa phải là vị Cứu Cánh Viên Mãn Phật (vị Phật rốt ráo viên mãn), mà là Phần Chứng Phật, Ngài đã nhập bình đẳng, thanh tịnh giác rồi. Nếu quý vị hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này thì mới hiểu rành rẽ kinh Vô Lượng Thọ! Kinh Hoa Nghiêm lớn lao như thế, nói nhiều như thế, quý vị đọc Vô Lượng Thọ Kinh đơn giản hơn rất nhiều, trọng yếu hơn rất nhiều, những điều được giảng trong ấy toàn là những thứ [được diễn tả, trình bày] trong Hoa Nghiêm. Vì thế, cổ nhân gọi Vô Lượng Thọ Kinh là Trung Bản Hoa Nghiêm, tức là bản tiết yếu (trích lược những chỗ trọng yếu)

của kinh Hoa Nghiêm, hay tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Phần tinh yếu tợ hồ quá đơn giản nên chúng ta thấy không ra. Đọc toàn bộ kinh Hoa Nghiêm giống như đọc chú giải của phần tinh yếu, nói rất nhiều, dễ hiểu. Nếu thật sự thấu hiểu thì sẽ thọ trì Vô Lượng Thọ Kinh đặc lực, công phu đặc lực. Do đây biết rằng: Chúng tôi giảng toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm giúp cho quý vị tu Vô Lượng Thọ Kinh, dụng ý của chúng tôi là đây.

Do vậy, hai câu này "*tiền môn đa kiếp, hậu môn đa thời, tịnh tự lực trì, thường linh vật kiến*" (môn trước là nhiều kiếp, môn sau là nhiều thời, đều được gìn giữ bằng tự lực khiến cho chúng sanh thường được thấy). "*Tự lực*" là lực nào? Phần trên có nói tới "nguyện lực". Đấy chính là khi chư Phật, Bồ Tát còn đang tu nhân, đã từng phát ra đại nguyện muốn độ chúng sanh rộng khắp. Nay chúng ta cũng phát nguyện "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*", tuy nguyện ấy chẳng do chân tâm phát ra, mà là thuận theo miệng người khác mà thốt ra. Thế nhưng sau khi thành Phật, dù chỉ nói theo thì cũng phải thực hiện, chẳng thể nói rồi không màng tới, như vậy là không được, cũng phải thực hiện. Nguyện lực trụ trì "*thường linh vật kiến*" (thường khiến cho chúng sanh được thấy), ở chỗ này không dùng chữ "*người*" mà dùng chữ "*vật*". Nếu nói "*thường linh nhân kiến*" thì chỉ có nhân pháp giới trong mười pháp giới, chín pháp giới kia không có phần. Nói "*vật*" thì mười pháp giới đều được bao gồm trong ấy. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thị hiện không những cho loài người chúng ta được thấy mà quý thần cũng trông thấy, súc sanh cũng trông thấy, phàm những ai trông thấy đều được khai ngộ. Sự trông thấy đều tùy thuận đó được gọi là Tùy Thuận Kiến.

Cửu thập nhị môn tức Tùy Nhạo Phật, danh Ý Sanh Thân, tùy chúng sanh nhạo, như ý sanh cố.

九十二門即隨樂佛，名意生身。隨眾生樂，如意生故。

(Hai môn chín và mười chính là Tùy Nhạo Phật, gọi là Ý Sanh Thân, do thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh để khiến chúng sanh được vừa ý)

Đây là lời giải thích đơn giản cho ý nghĩa "*tùy nhạo ý sanh*". Môn thứ chín là:

Biến nhất thiết sát, hiển sanh thân đa.

遍一切剎，顯生身多。

(Trọn khắp hết thầy cõi, sanh nhiều thân rõ ràng)

Kế đó là môn thứ mười:

Biên nhất thiết thể, thích tùy tâm nhạo, tùy tâm giai kiến, vi phổ thọ kiến.

遍一切世，釋隨心樂。隨心皆見，為普受見。

(Trọn hết thấy xứ, thích ứng thuận theo lòng ưa thích đều tùy tâm mà thấy, [môn này gọi] là Phổ Thọ Kiến)

Hai câu chín và mười trong kinh văn, câu thứ chín là "*Trụ nhất thiết sát niệm Phật môn, nhất thiết sát độ hàm kiến Phật thân siêu quá thể gian vô đẳng tỷ cõ*" (Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy cõ, trong hết thấy cõ nước đều thấy thân Phật vượt trời thể gian không thể sánh bằng). Ở đây giảng về môn trước, tức môn thứ chín. Câu này mang cùng một ý nghĩa với chuyện Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa. Các vị Pháp Thân đại sĩ, chư Phật, Bồ Tát không cõ nào chẳng hiện thân, chúng sanh có cảm, các Ngài liền ứng, cảm ứng đạo giao. Trong chúng ta có ai cảm hay không? Tôi không có cảm, cũng rất nhiều người quanh tôi có cảm, họ có cảm, tôi cũng được hưởng lây. Do vậy, quý vị mới hiểu được rằng trong mỗi góc ngách của thể gian này đều có Phật, Bồ Tát hiện thân, tùy loại hóa thân. Nên dùng thân nào để đắc độ thì bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp nào để độ được bèn nói pháp ấy. Bởi thế, chư Phật, Bồ Tát không có thân tướng nhất định, chư Phật, Bồ Tát cũng không có pháp nhất định nào để nói. [Chúng sanh] ưa thích điều gì, [chư Phật, Bồ Tát] bèn thuận theo ý, thuận theo ý niệm của chúng sanh, chính là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: "*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*" (Tùy thuận tâm chúng sanh, [thuyết pháp hoặc hiện thân] phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Tâm chúng sanh là Cảm, "*ứng sở tri lượng*" là Ứng; cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Ý nghĩa của kinh văn rất sâu đậm, chúng ta phải chú tâm lãnh hội.

Cuối cùng là câu thứ mười, giải thích [ý nghĩa] thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh. "*Trụ nhất thiết thể niệm Phật môn, tùy ư tự tâm sở hữu lạc dục, phổ kiến tam thế chư Như Lai cõ*" (Môn niệm Phật trong hết thấy đời, tùy theo tất cả những sự vui thích trong tự tâm thấy trọn khắp chư Như Lai trong ba đời). Kinh Đại Thừa thường nói tới chín đời, hoặc nói "*thập thế cõ kim*" (mười đời xưa nay), thông thường chúng ta nói "*tam thế*", tức quá khứ, hiện tại, vị lai. Chín đời là gì? Quá khứ có quá khứ quá khứ, quá khứ hiện tại, quá khứ vị lai, trong một đời biến thành ba đời. Hiện tại cũng có quá khứ hiện tại, hiện tại hiện tại, vị lai hiện tại. Vị lai cũng có quá khứ vị lai, hiện tại vị lai, vị lai vị lai, đây là chín đời. Thêm vào một đời căn bản nữa là đời hiện tại liền thành mười đời. Ý nghĩa này nhằm nói rõ như trong phần trước đã nói tới hết thấy cõ, nói theo cách chúng ta bây giờ thì là "*hết*

thầy xứ sở". Ở đây gọi là "nhất thiết thế", tức là hết thầy thời gian, hết thầy thời, hết thầy chỗ. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, trong hết thầy thời, hết thầy xứ, không đâu chẳng hiện thân, nếu chúng ta nói là không thấy được Phật, thật đáng kêu oan uổng vậy! Chướng ngại là ở nơi chính mình, chứ không phải do nơi Phật! Nơi Phật không có chướng ngại, chính mình có nghiệp chướng, chính mình chẳng thể thấu hiểu được. Nghiệp chướng lớn nhất là khởi tâm động niệm, "Ngã", đây là nghiệp chướng căn bản.

Do vậy, trong Đại Thừa, đúng là đức Phật lớn tiếng hô hào, bảo chúng ta: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng". Khi nào chúng ta thật sự hiểu được thân này chẳng phải là Ngã thì quý vị được tự tại rồi. Tự tại như thế nào? Tôi lại bảo quý vị, quý vị chẳng cần phải đi khám bệnh, chẳng cần phải đi bác sĩ, vì sao vậy? Thân không phải là Ngã, có Ngã thì mới sanh bệnh. Không có Ngã thì sanh bệnh gì, ai sanh bệnh? Do lẽ này quý vị được tự tại. Phải uốn nắn cho đúng quan niệm sai lầm này. "Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả", đây là chân tướng sự thật. Nghiệp chướng của quý vị bị tiêu trừ. Tiêu trừ rồi thì hết thầy thời, hết thầy chỗ, quý vị đều thấy Phật. Đoạn kinh này cho quý vị biết: Niệm Phật, niệm Phật thấy Phật, niệm mười loại Phật sẽ thấy được mười loại Phật. Phật từ bi như thế mà phàm phu chúng ta chẳng nhận biết được! Có nhập cảnh giới ấy thì mới thật sự thấu hiểu, mới biết trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, không đâu Phật chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân, thuận theo lòng yêu chuộng của chúng sanh, thật sự đạt đến Sự Sự vô ngại. Năm mươi ba lần tham học chỉ là hé lộ đôi chút tin tức về cảnh giới ấy cho chúng ta biết mà thôi. Nếu nói cạn kể thì ai có thể nói trọn hết cho được? Năm mươi ba lần tham học hé lộ đôi chút tin tức, những người vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề đối với một tí xíu tin tức cũng nhìn không ra, người phiền não nhẹ có thể nhận hiểu được. Lại đọc đoạn kinh văn tiếp theo.

Thập nhất, thập nhị tức Niết Bàn Phật, danh vi hóa thân.

十一十二即涅槃佛，名為化身。

(Môn mười một, mười hai chính là Niết Bàn Phật, gọi là Hóa Thân)

Môn trước là môn thứ mười một, là Hóa Thân, môn thứ mười hai là Niết Bàn.

Hóa tức hữu diệt, cổ thuyết Niết Bàn, tu tri tánh tịch, vi thâm nhập kiến.

化即有滅，故說涅槃。須知性寂，為深入見。

(Hễ có hóa thì liền có diệt, cho nên nói Niết Bàn. Nên biết rằng tánh tịch là Thâm Nhập Kiến).

Câu thứ mười một trong kinh văn là "*trụ nhất thiết cảnh Niệm Phật môn*". Cảnh là cảnh giới, "*phổ kiến nhất thiết chư cảnh giới trung chư Phật tương tục hàm xuất hưng cố*" (thấy trọn khắp trong hết thảy các cảnh giới, chư Phật đều liên tục xuất hiện). Đây là thấy được Hóa Thân của Phật, tùy loại hóa thân. Quý vị phải biết điểm này, Hóa Thân của Phật không nhất định là hóa thành ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, đừng cho rằng ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo mới là Phật. Trong tâm quý vị chấp trước một vị Phật nào đó thì vọng tưởng, chấp trước trong tâm quý vị sẽ biến hiện ra vị Phật như vậy. Thật ra, bất luận hiện thân như thế nào, trong loài người, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, đủ mọi thứ thân phận khác nhau đều là Phật. Trong năm mươi ba lần tham học ở đây, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là Phật. Thân phận của các Ngài khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, nhưng đều là Phật. Không chỉ hiện thân tướng hữu tình mà còn hiện thân tướng vô tình, càng rộng lớn hơn nữa.

Nay chúng ta gọi "vô tình" là thực vật, khoáng vật. Trước kia, có những người tham Thiền học Giáo nghe tiếng gió thổi, mưa rơi, nghe tiếng nước chảy trong thiên nhiên bèn khai ngộ. Sao lúc bình thường người ấy cũng nghe mà chẳng khai ngộ, lại riêng trong một ngày nghe tiếng liền khai ngộ? Phật hóa thân trong ấy, hóa ra những thân tướng khiến cho người ấy trong một sát-na có cảm xúc thù thắng, bèn khai ngộ thì [tất cả] đều là Phật hiện thân. Nếu chẳng phải là Phật hiện thân thì làm sao người ấy khai ngộ cho được? Vì thế, chúng sanh cơ duyên chín muồi, Phật liền dùng vô lượng vô biên phương thức chẳng thể nghĩ bàn để giúp cho quý vị khai ngộ. Quý vị ngộ nhập cảnh giới ấy rồi mới cảm ơn, biết Phật, Bồ Tát hiện thân. Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ quý vị, làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị, giúp cho quý vị khế nhập cảnh giới ấy. Quý vị thật sự thấy được trong hết thảy cảnh giới chư Phật liên tục xuất sanh. Đây là Hóa Thân; nói thật ra, Hóa Thân là chuyện trong khoảng sát-na.

Tôi lại kể một câu chuyện, nói thật ra, đây cũng là Bồ Tát hóa thân. Tôi ở nước Mỹ, cư sĩ Thái Văn Hùng kể cho tôi nghe một chuyện về xin visa tại đại sứ quán Hoa Kỳ. Ông ta có một người bạn đến xin visa, đang xếp hàng nơi đó, thì từ cửa sổ bên cạnh, một cô Mỹ hướng về phía ông ta vẫy tay, cười hì hì hướng về phía ông ta vẫy tay, vẫy gọi ông ta bước sang nơi đó, cấp ngay cho ông ta visa với thời hạn năm năm. Ông ta vốn đến xin visa rất nhiều lần, đều không được chấp thuận, đều bị cự tuyệt. Cô gái ấy trông thấy ông ta rất hoan hỷ, ngay lập tức cấp cho ông ta visa với thời hạn năm

năm; ông ta cảm thấy rất hay, đỡ quá, rất khó có! Tựa hồ như đã quen biết rất thân. Ông ta xin visa đợt ấy là vì người nhà ông bị bệnh, bệnh rất nặng, muốn sang Mỹ thăm người thân, bèn ở trong nhà niệm Quán Âm Bồ Tát, cầu Phật, Bồ Tát che chở, liền được sự cảm ứng ấy, ngay lập tức được cấp visa. Ông ta rất cảm kích người ngoại quốc ấy. Hôm sau cũng có mấy người bạn đi xin visa, ông ta cũng đi theo. Lúc đến nơi, [khi cô gái ấy] nói chuyện với ông ta dường như đột nhiên chẳng hề quen biết, rất lạ lùng! Ông ta cảm thấy kỳ lạ không thể diễn tả được! Trong sát-na ấy tỏ vẻ thân thiết như thế, ngay lập tức cấp giấy, rồi chớp mắt không quen biết nữa. Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân đấy. Lúc đó, viên chức xét duyệt di trú giúp ông ta xin được visa chẳng phải là do chính ý tưởng của người ấy, chính người ấy cũng không biết, cứ hồ đồ cấp giấy. [Quả thật] Phật, Bồ Tát giúp đỡ chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, sau khi đọc kinh này, quý vị hãy chú tâm suy nghĩ, sẽ thấy trong cuộc sống thường nhật có rất nhiều điều thú vị, mới biết mỗi một câu đã nói trong kinh đều là lời thật.

Câu thứ mười hai "*trụ nhất thiết tánh tịch diệt Niệm Phật môn, ư niệm niệm trung kiến nhất thiết sát nhất thiết chư Phật thị Niết Bàn cố*" (Môn Niệm Phật trụ trong hết thảy tánh tịch diệt, trong mỗi niệm thấy chư Phật thị hiện Niết Bàn trong hết thảy cõi). Niết Bàn ấy gọi là sanh diệt, có sanh nhất định có diệt. Quý vị phải hiểu rằng: Báo Thân không có sanh diệt, Pháp Thân không có sanh diệt, Hóa Thân có sanh diệt, Ứng Thân có sanh diệt, thời gian sanh diệt của Ứng Thân dài hơn. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật viên tịch năm tám mươi tuổi, đây là Ứng Thân. Giống như chúng tôi vừa kể câu chuyện xin visa, trong một sát-na, chỉ có mấy phút đồng hồ, đây là Hóa Thân sanh diệt. Do vậy, niệm danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Bồ Tát rất hữu dụng. Hễ quý vị chân thành niệm thì lo liệu công chuyện quả thật được Phật, Bồ Tát che chở, gia trì. Do đây, biết rằng quý vị đi xin giấy phép, người ta cự tuyệt quý vị tức là công phu niệm Phật của quý vị chưa đặc lực, còn khởi vọng tưởng, đây đều là sự thật. Khi trở về, hãy mau mau đến trước Phật, Bồ Tát sám hối. Lễ Phật nhiều hơn, niệm Phật nhiều hơn, thật sự có cảm ứng, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. A! Hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập thứ mười (12-13-10)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai mươi sáu, dòng thứ ba, bắt đầu từ chữ thứ ba từ dưới đếm lên:

Thập tam, thập tứ tức tam-muội Phật, danh Oai Thế Thân. Tiên môn tòng trụ xứ xuất, thị tam-muội dụng. Hậu môn già phu biên

tọa, thị tam-muội tướng. Nhất nhật chi trung kiến nhất thiết Phật, thị vô lượng nghĩa. Tùng thử vãng hóa, thị vô y nghĩa. Cổ vân: Tam-muội Phật, vô lượng vô y kiến. Ký già phu tọa, thân mãn pháp giới, khởi phi oai thể.

十三十四即三昧佛，名威勢身。前門從住處出，是三昧用。後門跏趺遍坐，是三昧相。一日之中見一切佛，是無量義。從此往化，是無依義。故云，三昧佛，無量無依見。既跏趺坐，身滿法界，豈非威勢。

(Môn mười ba và mười bốn chính là tam-muội Phật, gọi là Oai Thế Thân. Môn trước từ trụ xứ mà ra, là tác dụng của tam-muội. Môn sau là ngồi xếp bằng trọn khắp, là tướng của tam-muội. Trong một ngày thấy hết thấy Phật, là nghĩa vô lượng. Từ đây đi giáo hóa, là nghĩa vô y. Vì thế nói: "Tam-muội Phật vô lượng vô y kiến". Đã ngồi xếp bằng, thân trọn khắp pháp giới, há chẳng phải là oai thế ư?)

Đại sư giải thích chỗ quan trọng, mấu chốt cho chúng ta. Trong kinh văn của hai môn này, câu thứ mười ba là "*trụ nhất thiết thời xứ Niệm Phật môn*" (môn Niệm Phật trụ hết thấy thời và xứ), tác dụng của nó là: "*Ư nhất nhật trung kiến nhất thiết Phật tùng kỳ trụ xứ nhi vãng hóa cố*" (Trong một ngày thấy hết thấy Phật từ trụ xứ của các Ngài đi giáo hóa). Môn thứ mười bốn là "*trụ nhất thiết cảnh quảng đại Niệm Phật môn*" (môn Niệm Phật rộng lớn trụ trong hết thấy cảnh), tác dụng là "*kiến nhất thiết Phật kết già phu tọa, nhất nhất Phật thân mãn pháp giới cố*" (thấy hết thấy Phật ngồi xếp bằng, thân của mỗi một đức Phật trọn khắp pháp giới). Nếu kinh văn không có lời giải thích của đại sư Thanh Lương thì bọn sơ học chúng ta rất khó thấy được ý nghĩa xác thực, Ngài vừa giải thích, chúng ta liền hiểu rõ hai câu này hơn. Câu kinh văn này nói về tam-muội. Tam-muội là tiếng Phạn phiên âm, dịch nghĩa là Chánh Thọ, tức là hưởng thụ một cách đúng đắn. Nói cách khác, phàm phu hưởng thụ không đúng đắn. Kinh luận thường nói phàm phu có năm thứ Thọ, tức là trong sự hưởng thụ cuộc sống hằng ngày của quý vị có thể chia thành năm loại lớn. Năm loại này dựa trên thân tâm để nói: Nếu dựa theo thân để nói thì có hai thứ Thọ là Khổ và Lạc; nếu dựa vào tâm để nói thì có hai thứ Ưu và Hỷ, lại còn có khi tâm không buồn hay vui, cũng có khi thân không khổ hay sướng, khi ấy gọi là Xả Thọ. Xả Thọ rất tốt, nhưng thời gian ấy rất ngắn; do vậy nó chẳng phải là tam-muội. Nếu Xả Thọ ấy vĩnh viễn không buông bỏ sẽ biến thành tam-muội; nói cách khác, tam-muội là Xả Thọ lâu dài, tâm không có buồn, vui, thân không có sướng, khổ, đấy gọi là Chánh Thọ.

Môn thứ mười ba là "*trụ nhất thiết thời xứ Niệm Phật môn*". Cát Tường Vân Bồ Tát kể cho chúng ta biết hai mươi một môn Niệm Phật. Chúng ta

đọc xong mới hiểu Niệm Phật không nhất định là hằng ngày miệng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, đấy gọi là Niệm Phật ư? Loại Niệm Phật này chỉ là một trong rất nhiều môn Niệm Phật mà thôi! Thật sự niệm Phật thì như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất hay, Ngài nói rất đơn giản, Ngài có thể đem cả hai mươi một môn này gộp trong một câu. Lão nhân gia nói: "*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*" (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Quý vị nghĩ xem: Ngài nói câu ấy, một chương kinh tỳ-kheo Cát Tường Vân này chẳng phải là giải thích cho câu ấy hay chẳng? Ức (憶) là trong tâm có, Niệm cũng là trong tâm có, niệm ấy không nhất định phải là miệng niệm. Niệm (念) là văn tự Trung Quốc, quý vị có thể lãnh hội được, phía trên là Kim (今), phía dưới là Tâm (心), tức là khi cái tâm hiện tiền tương ứng với chân tướng sự thật thì đều gọi là "*niệm Phật*". Chân tướng sự thật chính là cảnh giới Phật, hễ tương ứng với nó thì gọi là Niệm Phật. Vì thế, đây là "*trụ nhất thiết thời xứ niệm Phật môn*", từ trong tác dụng của nó đã tỏ lộ rất rõ rệt.

"*Ư nhất nhật trung*" (Trong một ngày), thời gian một ngày không dài, trong một ngày từ sáng đến tối, thấy hết thấy Phật từ trụ xứ của các Ngài đến hóa độ chúng sanh. Trong chú giải cho biết môn trước là câu thứ mười ba, môn sau là câu thứ mười bốn, "*tùng trụ xứ xuất*" (từ trụ xứ đi ra) là tác dụng của tam-muội. Tác dụng của nó là giác ngộ chúng sanh, nay chúng ta gọi là hóa độ chúng sanh. Rốt cuộc chư Phật, Bồ Tát trụ ở chỗ nào? Từ trụ xứ ra! Các Ngài trụ ở đâu? Kinh Kim Cang nói rất hay: "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (Hãy nên không trụ vào đâu để sanh cái tâm ấy). Các Ngài trụ tại "*vô sở trụ*". Do "*vô trụ*" là không nơi nào chẳng trụ, nên nếu quý vị trụ trong một nơi nào đó thì quý vị sẽ chẳng khởi được tác dụng rộng lớn như vậy. Tác dụng của các vị ấy có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh tận hư không, trọn pháp giới là vì họ trụ nơi vô trụ nên mới khởi được tác dụng ấy. Trụ trong vô trụ bằng cách nào? Hễ trong tâm có niệm là có trụ, hễ tâm quý vị có vướng mắc là quý vị có trụ xứ. Quý vị có phân biệt thì quý vị cũng có trụ xứ. Quý vị có chấp trước thì quý vị cũng có trụ xứ. Do đây biết rằng: Lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là "*trụ vô sở trụ*". Tác dụng khởi lên ấy được gọi là "*xứng tánh*", mà tự tánh là tận hư không, trọn pháp giới. Xứng tánh khởi dụng thì dụng ấy sẽ to lớn, có thể thấy hết thấy Phật giáo hóa chúng sanh, khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới. Tuy khởi tác dụng to lớn ấy, tâm Bồ Tát vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn không có phân biệt, chấp trước, vĩnh viễn không có một vọng tưởng nào, đấy gọi là "*tam-muội dụng*".

Phàm phu chúng ta học Phật khó khăn, khó khăn ở chỗ nào? Thấy sắc, nghe tiếng liền khởi tâm động niệm, khởi phân biệt, chấp trước to lớn. Vậy thì có cách nào đây? Do vậy, chúng ta niệm Phật, đừng nói là niệm Phật chưa đắc Niệm Phật tam-muội, ngay cả công phu cạn nhất là công phu thành phẩm chúng ta vẫn chưa đạt được! Nguyên nhân ở chỗ nào? Buông xuống chưa được, chưa buông vọng tưởng, chấp trước xuống được! Nếu quý vị buông chấp trước xuống thì sẽ công phu thành phẩm. Quý vị buông phân biệt xuống sẽ đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu lại có thể buông xuống vọng tưởng thì sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn. Chuyện là như vậy đó! Nói tóm lại một câu, *"chỉ là muốn cho quý vị buông xuống mà thôi!"* "Buông xuống" không phải là nói "buông xuống trên mặt Sự", Phật, Bồ Tát đến khắp nơi hiện thân thuyết pháp hóa độ chúng sanh, trên mặt Sự các Ngài có làm, nhưng trong tâm các Ngài đã buông xuống. Vì thế trên mặt Sự thì có, nhưng trên mặt Lý không có, trên mặt Tướng thì có, trên mặt Tánh không có. Phải hiểu đạo lý này rồi sau đây Tánh Tướng Sự Lý tương ứng như kinh thường nói: *"Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*.

Môn thứ mười bốn nói *"trụ nhất thiết cảnh quảng đại niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật kết già phu tọa, nhất nhất Phật thân mãn pháp giới cố"* (môn Niệm Phật trụ trong hết thảy cảnh rộng lớn, thấy hết thảy Phật ngồi xếp bằng, thân của mỗi đức Phật trọn khắp pháp giới). Thân của mỗi đức Phật đều trọn khắp pháp giới, ngày hôm qua tôi đã thưa với quý vị rồi đó, *"xả đắc liễu"* (hễ xả sẽ đạt được), thật sự đạt được! Được điều gì? Được tận hư không, trọn pháp giới, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Chứ nói theo phía phàm phu Nhị Thừa thì là giả! Không đạt được, chỉ là vọng tưởng, chứ không phải là thật sự đạt được, Phật, Bồ Tát thật sự đạt được! Chúng ta không xả, không buông xuống, làm sao đạt được? Chẳng thể nào! Nếu nghe kinh Phật nói như thế, quý vị cũng có thể bố thí mà cũng có thể bỏ được, tợ hồ hơi giống như vậy. Nhưng thật ra thì sao? Thật ra, tâm quý vị trọn chẳng hề buông xuống, vẫn là có thị phi nhân ngã, như vậy thì cái Xả ấy của quý vị đạt được gì hay chẳng? Có đạt được! Đạt được phước báo hữu lậu trong tam giới. Phước báo hữu lậu vẫn là giả, không thật. Nếu thật sự đạt được thì tận hư không, trọn pháp giới mới là thật sự đạt được!

Chiếu theo tiêu chuẩn trong kinh này, thật sự đạt được thì địa vị thấp nhất là những người giống như tỳ-kheo Cát Tường Vân, loại người này chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Tuy vậy, sở đắc của họ chẳng rốt ráo viên mãn như trong quả địa Như Lai. Họ là phần chứng viên mãn. Tuy là phần chứng vẫn chẳng thể nói họ không viên mãn, điều này rất có ý vị! Chư vị phải suy nghĩ kỹ

càng: Phần chứng vẫn viên mãn, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: "Một tức là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều tương tức, lý sự viên dung". Cảnh giới như thế đấy. Tuyệt đối chẳng phải là nói "phần chứng không viên mãn, chứng rất ráo mới viên mãn", không phải vậy! Phần chứng cũng viên mãn, đấy mới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

"Già phu biến tọa, thị tam-muội tướng" (Ngồi xếp bằng trọn khắp là tướng của tam-muội). "Tướng" là hình dạng. "Già phu biến tọa" cũng mang ý nghĩa biểu thị pháp, trọn chẳng phải là thật sự ngồi xếp bằng suốt ngày. Nếu ngồi xếp bằng suốt ngày thì chuyện gì quý vị cũng đều chẳng muốn làm, quý vị còn làm được chuyện gì nữa đây? Do vậy, cách nói này nhằm biểu thị pháp, biểu thị điều gì? Biểu thị ý nghĩa bất động. Bởi lẽ, ngồi xếp bằng là ổn định, thích đáng nhất, ngồi trong một thời gian lâu nhất, ổn thỏa thích đáng nhất mà cũng là thoải mái nhất. Người mới học chưa quen, khi còn cảm thấy hai đùi bị tê là lúc quý vị mới học; nếu đã ngồi lâu rồi, tức khi đã quen rồi, cách ngồi ấy thoải mái nhất. Cách ngồi này biểu thị sự bất động, chúng ta đứng hay đi đều là tướng động, ngồi là tướng bất động. Nhằm biểu thị ý nghĩa bất động, chứ không phải là bảo quý vị ngồi nơi ấy; phải hiểu ý nghĩa này.

Người mới học tịnh tọa thì phải ngồi, dụng ý của ngồi là đâu? Lăng yên vọng tướng xuống. Do vậy, trong Thiền đường, hiện thời tại Trung Quốc thiền đường cũng không có, ở nước Mỹ, tôi đã đến thăm hai Thiền đường của người Nhật. Tôi đến thăm viếng, bọn họ cũng rất hoan nghênh. Người Nhật lập ra Thiền đường ấy, quá nửa đồ đệ của họ là người Mỹ, người Mỹ hết sức quen [ngồi Thiền]. Trong Thiền đường sắp đặt hết sức đơn giản, ngồi nhìn vào vách. Khi ngồi đương nhiên tư thế phải đoan chánh, có tư thế giống như tượng Phật, giống như tượng Phật được đắp, [dáng ngồi của] tượng Phật là tư thế tiêu chuẩn. Nếu tư thế của quý vị không đúng, thầy phải uốn nắn. Dùng phương pháp gì để uốn nắn? Dùng hương bản⁴[4] để

4[4] Hương bản (香板) là một thanh gỗ dẹp dài, kích thước, hình dạng, trọng lượng tùy thuộc vào từng Thiền phái, nhưng thông thường, Hương Bản trong Thiền môn Trung Hoa dài bốn thước hai tấc (thước tấc Tàu), phía trên rộng (khoảng hai tấc), chót đầu thuôn thuôn dần gần như nhọn, phía dưới lượn tròn, khoét lõm vào, tạo thành cán cầm. Nói chung, Hương Bản trông hao hao như một thanh gươm gỗ, thường để trần, không sơn phết. Trên Hương Bản thường khắc chữ Cảnh Sách hoặc Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hương bản dùng trong tự viện Việt Nam có hình dáng hơi khác. Thời cổ, tùy theo thời tiết mà dùng các loại hương bản khác nhau. Mùa Hạ dùng loại hương bản làm bằng gỗ mềm, nhẹ, mùa Đông dùng loại hương bản bằng gỗ cứng hơn, với dụng ý: Tùy theo thời tiết mà Thiền giả sẽ mặc nhiều hay ít lớp quần áo, nên phải dùng hương bản phù hợp. Theo truyền thuyết, Ung Chánh hoàng đế nhà Thanh đặc biệt sùng kính Ngọc Lâm quốc sư. Khi đại sư viên tịch, vua tiếc nuối khôn nguôi, vị cao đồ nổi tiếng của Sư là Hành Sâm cũng đã viên tịch, vua bèn hạ chiếu truy tìm môn nhân của Sư. Khi ấy, tại chùa Cao Mân ở Dương Châu có một vị sư chốc đầu xung là đồ tôn của Ngọc Lâm, vua hoan hỷ cho đón vào cung vấn đạo, mới biết vị này thiếu phẩm đức, đạo phong lẫn oai nghi. Vua bực tức, quở

đánh, không nói gì hết, không dùng tới lời nói; quý vị hơi động đậy một chút, từ phía sau hương bản liền vụt thẳng xuống. Đương nhiên lý do thứ nhất là tư thế ngồi của quý vị không đúng, ngoài ra là khởi vọng tưởng. Khởi vọng tưởng, [thân thể] sẽ lắc lư. Vì thế, hương bản đánh xuống nhằm đánh bay vọng tưởng của quý vị. Thiền tông dùng phương pháp ấy để dạy học. Đợi đến khi quý vị không có ý niệm, bất cứ ý tưởng nào cũng chẳng có, vẫn phải đánh quý vị, đánh gì vậy? Đánh vô minh. Một thứ là vọng tưởng, thứ kia là vô minh. Vì thế, quý vị suy tưởng thì cũng bị đánh, không suy tưởng cũng bị đánh, nhắc quý vị giác ngộ ngay tại nơi ấy.

Trong khi tịnh tọa có cảnh giới, không phải là thứ gì cũng chẳng có. Người ấy có Quán, tức Chỉ Quán. Dứt hết thảy vọng niệm. Người ấy có quán; cách Quán hiện thời là dạy quý vị tham thoại đầu. Tâm quý vị giữ chặt câu thoại đầu ấy. Thoại đầu không có lời giải thích, nếu quý vị có nghi vấn, hương bản của thầy lại đập xuống; dùng phương pháp ấy, dùng thủ đoạn đặc biệt khác thường như vậy. Chẳng giống như Giáo Hạ, trong Giáo Hạ nếu quý vị có nghi vấn, có thể nêu ra câu hỏi để được giải đáp, có thể biện luận, còn trong Tông môn thì không có, quý vị nêu ra nghi vấn sẽ bị đập liền, không có nghi vấn cũng bị đập! Đây là thủ đoạn trong Tông môn. Do vậy, đây là tướng của tam-muội. Trong tướng ấy, đi, đứng, nằm, ngồi đều gọi là "tọa Thiền", phải hiểu được ý nghĩa này. Cũng có nghĩa là ngồi như vậy thì trong tâm quý vị định, chứ không phải là nói tới thân định, thân định sẽ vô ích, phải là tâm định. Tâm thật sự đắc định thì thân động như thế nào cũng chẳng chướng ngại sự, người ấy có thể làm việc, người ấy có thể giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chuyện gì người ấy cũng đều làm được!

"Nhất nhật chi trung kiến nhất thiết Phật, thị vô lượng nghĩa. Tùng thử vãng hóa, thị vô y nghĩa" (Trong một ngày thấy hết thảy Phật là nghĩa vô lượng. Từ đây đi hóa độ là nghĩa vô y). *"Tùng thử vãng hóa"* là câu thứ mười ba, là môn trước, nói về sự giáo hóa chúng sanh. Tùy theo tâm của chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ, chúng sanh có cảm, các Ngài liền lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. "Vô y":

trách vị Tăng ấy điểm nhục sư môn, sai lập một thiền phòng trong cung, ngoài cửa treo một thanh gươm bén, ra lệnh nếu trong bảy ngày, vị Tăng ấy không tham cứu khai ngộ sẽ chém đầu. Sợ chết, vị Tăng ấy cực lực tham cứu, đến ngày thứ bảy hoá nhiên đại ngộ, kêu to: "Mang gươm báu lại đây cho ta chém cái đầu vạn năm!" Người hầu vội tâu lên vua, vua đích thân khảo nghiệm, chứng thực vị Tăng này đã khai ngộ. Do vậy, Thiền môn mới chế ra hương bản có hình giống như thanh kiếm để cảnh sách Thiền giả (theo tài liệu của Trung Đài Sơn Bác Vật Quán). Theo ngu ý, Hương Bản phải tồn tại sớm hơn thế, vì trong các Thiền viện Nhật Bản cũng dùng Hương Bản, mà vào thời Ung Chánh thì Nhật Bản theo chánh sách "bế môn tỏa cảng" hầu như không giao tiếp với Trung Hoa. Mọi buôn bán với bên ngoài đều phải thông qua các thuyền buôn và sự trợ giúp của giáo sĩ Tây Phương.

Phật xưng là "vô y đạo nhân". Hễ có "y" (nương tựa vào) thì có vọng tưởng, có ý niệm, vô y thì mới xứng tánh. Phàm phu chúng ta không có cách nào, cho nên bước vào cửa Phật, trước hết phải tìm nơi nương tựa, phải cầu Tam Quy Y, phải nương tựa. Chúng ta không nương tựa sẽ không được! Điều này giống như đứa trẻ còn chưa trưởng thành, chẳng thể độc lập được, phải nương tựa vào cha mẹ, đến khi nó có năng lực độc lập, chẳng thể nương tựa nữa! Suốt cả đời sống dựa vào cha mẹ thì có nói cách nào đi nữa cũng chẳng xuôi! Người mới học thì phải nương tựa, còn minh tâm kiến tánh thì không cần nương tựa. Do đây biết rằng, học Phật trong lục đạo thì phải nương tựa, quyết định phải nương tựa, học Phật trong mười pháp giới vẫn phải nương tựa, vì sao vậy? Chưa kiến tánh, kiến tánh rồi thì mới thật sự là vô y đạo nhân. Đây là hai ý nghĩa "vô lượng nghĩa, vô y nghĩa".

"Cố vân, tam-muội Phật, vô lượng vô y kiến": Đây là nói thấy Phật, thấy vô lượng Phật, do vì vô y (không nương tựa) nên quý vị mới thấy vô lượng Phật. "Ký già phu tọa, thân mãn pháp giới, khởi phi oai thể" (Đã ngồi xếp bằng, thân trọn khắp pháp giới, há chẳng phải là oai thể); do vậy nói đến "oai thể thần". Oai là oai đức, Thể là thể lực, vị ấy có đại oai đức, có đại thể lực. Danh hiệu của Đại Thế Chí Bồ Tát mang ý nghĩa này. Do vậy, gọi là Oai Thể Thần. Ở đây cần phải chú ý tới một câu, tức câu "già phu tọa, thân mãn pháp giới". Câu này rất khó hiểu, nhưng quý vị phải hiểu đó là sự thật: Chẳng những Pháp Thân trọn khắp pháp giới (điều này mọi người đều hiểu rõ, ai nấy đều có thể thừa nhận), mà Báo Thân, Ứng Hóa Thân cũng trọn khắp pháp giới. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân của Phật, Bồ Tát, Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân. Tha Thọ Dụng Thân quả thật cũng trọn khắp pháp giới, ở trong pháp giới hễ chúng sanh có cảm, các Ngài liền hiện, không có cảm thì các Ngài ẩn. Ẩn hiện bất đồng, quả thật là trọn khắp pháp giới. Lý này rất sâu, rất nhỏ nhiệm, chư Phật Như Lai là như vậy đó.

Vậy thì chúng ta lại hỏi, bản thân chúng ta chẳng phải là như vậy hay sao? Chúng ta và chư Phật không khác gì nhau, ba thân của chúng ta cũng trọn khắp pháp giới, nhưng vì nay đang có vọng tưởng, có phân biệt, chấp trước nên tam thân tuy có nhưng chính quý vị chẳng thể nhận biết, chẳng biết chính mình có ba thân! Cái thân hiện tiền đây được gọi là Nghiệp Báo Thân, cũng là Ứng Thân, Ứng là báo ứng, tức báo ứng do nghiệp lực của chúng ta, còn thân của Phật, Bồ Tát là báo ứng do nguyện lực. Vì thế, chúng ta gọi các Ngài là "thừa nguyện tái lai" (nương theo nguyện để sanh trở lại thế gian này). Thân chúng ta là báo ứng của nghiệp lực, cũng là Báo Thân, Ứng Thân. Chẳng phải là trọn khắp pháp giới ư? Đúng là trọn khắp pháp giới, quý vị chớ có hiểu lầm. Trong nửa tiếng hoặc trong một tiếng đồng hồ này, quý vị từ nhà đến giảng đường của Đồ Thư Quán để nghe

kinh, nếu quý vị nghĩ như vậy là quý vị đã hoàn toàn nghĩ sai rồi. Chân tướng sự thật ấy là gì? Ở trong nhà quý vị, thân ấy ẩn, còn ở tại đây, thân ấy hiện. "Tôi không biết hay sao?" Quý vị không nhận biết, sự ẩn hiện ấy chỉ ẩn hiện trong sát-na, trong sát-na trước, thân ấy ẩn, trong sát-na sau, thân ấy hiện, ẩn hiện trong sát-na, cho nên mới nói với quý vị là "không có đến đi, ẩn chỗ này, hiện chỗ kia"; đây là chân tướng sự thật. Nếu chẳng phải là trọn khắp hư không pháp giới thì làm sao nói cho thông suốt đây? Thật sự có đến đi vậy!

Cổ đức giảng cho chúng ta biết, người vắng sanh Tịnh Độ "*sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật sự chẳng đi*". Vì sao vậy? Thân ở chỗ này ẩn, hiện thân ở chỗ kia. Ẩn đây, hiện kia, cho nên nói "*đi nhưng thật sự không đi, không có đến đi*", đây là chân tướng sự thật "*không có đến đi, chỉ có ẩn hiện*". Chư Phật Bồ Tát chẳng mê hoặc, đối với sự lý các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, chúng ta cũng giống như vậy, thế nhưng đối với sự lý lại chẳng biết một chút gì. Do vậy, sanh ra rất nhiều kiến giải sai lầm. "Tôi từ nhà đến", đây là kiến giải sai lầm; không có đến đi, quý vị từ đâu đến? Quý vị đi về đâu? Không có đến hay đi! Đây mới là nói đúng chân tướng sự thật. Do vậy, một câu "*thân trọn khắp pháp giới*" ở đây hết sức ý vị! Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền đã như vậy, mà lục đạo phàm phu cũng chẳng phải là ngoại lệ, chúng ta hiểu "học Phật là chứng thực, trừ khử chướng ngại, tiến tới giống hệt như chư Phật, Bồ Tát", hiểu rõ ràng minh bạch giống như vậy. Đây là chân tướng sự thật. Tiếp theo là:

Thập ngũ, thập lục tức Chánh Giác Phật, danh Bồ Đề Thân. Tiên môn...

十五十六即正覺佛，名菩提身。前門。

(Môn mười lăm và mười sáu chính là Chánh Giác Phật, gọi là Bồ Đề Thân. Môn trước...)

"Tiên môn" là môn thứ mười lăm.

Nhất mao đôn hiện, thị xử vi tế. Hậu môn...

一毛頓現，是處微細。後門

(Đầu lông nhanh chóng hiện, là ở trong pháp vi tế. Môn sau...)

Đây là môn thứ mười sáu.

Trụ sát-na tế, hiển thời thậm thâm. Như tư thành Phật, bất trước nhất thiết, vi vô trước kiến.

住剎那際，顯時甚深。如斯成佛，不著一切，為無著見。

(Trụ trong khoảng sát-na, cho thấy thời rất sâu. Thành Phật như thế, chẳng chấp vào hết thảy, là cái thấy không dính mắc)

Quý vị đối với hết thảy đều không dính mắc, quý vị sẽ thấy được Chánh Giác Phật, thấy được thân Bồ Đề của Phật. Phần kinh văn cho môn thứ mười lăm là: "*Trụ nhất thiết pháp vi tế Niệm Phật môn*" (môn Niệm Phật trụ trong hết thảy pháp vi tế). Tu thành môn Niệm Phật ấy, quý vị sẽ có thể ở trong "*nhất mao khổng kiến bất khả thuyết chư Phật xuất hưng, hàm chí kỳ sở nhi thừa sự cố*" (trong một lỗ chân lông thấy chẳng thể nói chư Phật xuất hiện, đều đến chỗ các Ngài thừa sự). Quý vị trông thấy, môn Niệm Phật này nói thật ra, tuyệt đối chẳng phải là sơ học, người sơ học không thể làm được, đây là nhập pháp giới vi tế. Trong nghiệp dụng nêu ra một thí dụ, "*mao khổng*" (lỗ chân lông), có kinh gọi là "*mao đoan*" (đầu lông). Mao đoan hay mao khổng đều nhằm hình dung thứ nhỏ nhất nơi chánh báo. Nói tới vi trần là nói tới thứ nhỏ nhất trong y báo. Trong lỗ chân lông thấy bao nhiêu Phật? Bất khả thuyết chư Phật. "*Bất khả thuyết*" chẳng phải là con số. Nếu nói là con số "*bất khả thuyết*" trong mười con số lớn của Ấn Độ, trong phần sau lại còn có con số càng lớn hơn gọi là "*bất khả thuyết bất khả thuyết*". Nhưng đây vẫn là rớt vào số lượng, hễ rớt vào số lượng thì có thể nghĩ bàn. Do vậy, "*bất khả thuyết*" ở đây không phải là số lượng, mà là hình dung, quả thật là không có cách nào tính toán được. Nhiều vị Phật như thế "*xuất hưng*" trong lỗ chân lông, nay chúng ta gọi "*xuất hưng*" là "*xuất hiện*". Từ nơi đây xuất hiện, vị ấy trông thấy. Sau khi trông thấy, vị ấy muốn đến thân cận những vị Phật ấy, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn.

Môn kế tiếp là "*trụ sát-na tế trang nghiêm Niệm Phật môn*" (Môn Niệm Phật trang nghiêm trụ trong khoảng sát-na), về phương diện tác dụng bèn nói, "*ư nhất niệm trung*" (trong khoảng một niệm), thời gian trong một niệm ấy rất ngắn, "*kiến nhất thiết sát giai hữu chư Phật thành Đẳng Chánh Giác hiện thần biến cố*" (do thấy trong hết thảy cõi đều có chư Phật thành Đẳng Chánh Giác hiện thần biến). "*Hiện thần biến*" thông thường là nói hiện tám tướng thành đạo, giống như thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế thị hiện tám tướng thành đạo trong thế gian này. Đây chính là "*trụ sát-na tế trang nghiêm Niệm Phật môn*". Chúng ta đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương:

Nhất mao đốn hiện.

— 毛頓現。

(Trong một sợi lông cùng lúc xuất hiện)

Trong một ma không (lỗ chân lông), "*đốn hiện*" là hiện cùng một lúc, chứ không phải là hiện theo thứ tự. Đây là nơi đức Phật xuất hiện, tức là "*xuất hiện vi tế xứ*" (chỗ xuất hiện vi tế). Trong một lỗ chân lông là như thế, mà tận hư không, trọn pháp giới không đâu chẳng phải là như thế; do vậy, nói Phật, Bồ Tát nhiều hơn chúng sanh, nhiều hơn rất nhiều, nhục nhãn của phàm phu chúng ta không thấy được. Nói thật ra, không thấy được đều là vì chướng ngại, tổng quy nạp các chướng ngại lại thì là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chướng ngại càng nhiều, vô lượng vô biên thứ, quy nạp lại chẳng ngoài ba loại lớn. Vì thế, niệm Phật hãy niệm theo cách nào? Trong hết thảy thời, hết thảy xứ, hết thảy cảnh giới, hãy tận hết sức bớt phân biệt, bớt chấp trước, bớt khởi vọng tưởng. Đấy là vận dụng công phu thật sự, thật sự biết cách dụng công. Người chẳng biết dụng công, niệm A Di Đà Phật luôn khởi vọng tưởng thì không có cách nào! Cổ đức đã nói "*hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*" (hét toạc cổ họng cũng uổng công). Nói thật ra, một câu Phật hiệu ấy là để phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; quý vị khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong một câu Phật hiệu ấy thì chẳng gọi là oan uổng ư?

Phàm phu chẳng thể vô niệm, vô niệm là thánh nhân. Phàm phu quyết định có niệm, bất luận ý niệm ấy là ý niệm thiện hay ý niệm ác, nhất loạt chẳng cần quan tâm đến. Ý niệm khởi lên liền A Di Đà Phật để trừ ý niệm; A Di Đà Phật là gì? Chẳng cần phải nghĩ đến; nếu quý vị nghĩ đến là hỏng rồi, quý vị lại khởi niệm đấy! A Di Đà Phật không có ý nghĩa, không giải thích, dùng phương pháp ấy để phá trừ ý kiến. Chúng tôi nhớ là trong các buổi giảng tôi đã từng nói đạo lý ấy rất nhiều lần. Tôi dạy mọi người đọc kinh, đọc kinh chẳng cần phải nghiên cứu ý nghĩa, vì sao chẳng cần phải nghiên cứu ý nghĩa của kinh? Tôi đã nói rất nhiều lần, trong kinh không có ý nghĩa. Nếu quý vị nghe thấy ý nghĩa, niệm kinh thấy có ý nghĩa thì đều toàn là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị. Nếu quý vị nghe kinh trong một tiếng rưỡi đồng hồ này, nghe xong không thấy có ý nghĩa gì, quý vị đã khai ngộ rồi. Nói hay nghe đều có thể khai ngộ, chỗ khẩn yếu là không có ý nghĩa thì sẽ khai ngộ, hễ có ý nghĩa sẽ chẳng khai ngộ, có ý nghĩa chính là mê nơi ý thức, rớt vào tâm ý thức.

Kinh không có ý nghĩa thì thứ gì có ý nghĩa? Không một thứ nào có ý nghĩa cả! Đấy mới là chánh giác, mới có thể thấy được thân Bồ Đề. Thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn đối trước cảnh giới sáu trần, ý nghĩa bèn khởi lên. Quý vị phải hiểu đấy chính là phiền não khởi lên, rắc rối khởi lên, chướng ngại khởi lên, chẳng phải là trí huệ. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, ý nghĩa gì cũng đều chẳng có, như vậy là rất tốt, vì sao vậy? Quý vị đã không còn sử dụng tâm ý thức, chẳng sử dụng tâm ý thức thì dùng gì? Quý vị sử

dụng căn tánh của sáu căn; do vậy, thấy sắc, nghe tiếng chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước. Như vậy là đúng.

Hậu môn trụ sát na tế, hiển thời thậm thâm.

後門住剎那際，顯時甚深。

(Môn sau là trụ trong sát na, cho thấy thời rất sâu)

Sát-na là thời gian cực ngắn.

Như tư thành Phật, bất trước nhất thiết.

如斯成佛，不著一切。

(Thành Phật như thế, chẳng dính mắc hết thảy)

Ở đây, quan trọng nhất là "*bất trước*", tức không chấp trước, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không chấp trước, chúng sanh và Phật cũng không chấp trước. Lại thưa với quý vị, nhưng nói ra lại sợ mọi người hiểu lầm, bởi vậy chỗ này rất khó giảng! Đâu là chân, đâu là giả? Chân hay giả cũng không chấp trước, thiện hay ác cũng không chấp trước, đúng hay sai cũng không chấp trước, lợi hay hại cũng không chấp trước. Quý vị muốn biết vì sao ư? Chân và giả là hai pháp, đúng hay sai cũng là hai pháp, tà và chánh cũng là hai pháp, lợi và hại cũng là hai pháp. Trong bộ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta thấy có câu này: "*Nhị pháp tự bất thị Phật pháp, Phật pháp thị bất nhị pháp*" (Có hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp không hai). Câu này có nghĩa là gì? Rớt vào ý thức thì mới có hai, tức là nói quý vị có phân biệt, có chấp trước nên mới có hai. Hễ không phân biệt, không chấp trước thì "*một*" còn tìm chẳng ra, làm sao có thể tìm được "*hai*" ở trong ấy? Đấy mới gọi là "*nhập pháp môn Bất Nhị*".

Nói tới đây, sợ mọi người nẩy sanh sự hiểu lầm rằng: Nếu như vậy thì tà - chánh chẳng phân, thiện - ác chẳng phân, chuyện gì cũng đều có thể làm. Quý vị nghĩ như vậy là quý vị đã sớm đọa trong hai pháp rồi, đâu phải là Phật pháp! Do vậy, nhất định chớ nên sanh ý tưởng hiểu lầm ở chỗ này, chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, rõ ràng, rành mạch, nhưng trong tâm không động niệm, không phân biệt, không có phân biệt chính là Một. Chư Phật và các vị Pháp Thân đại sĩ thường trụ trong Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân mới trọn khắp pháp giới, còn Nhị thì chẳng thể trọn khắp. Nhất là trọn khắp, đạo lý là đây. Khi nó khởi tác dụng sẽ khởi ra tác dụng hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị nói tới thiện, Phật liền nói thiện với quý vị; quý vị nói tới ác, Phật liền nói ác với quý vị. Do đây biết rằng: Hết thảy pháp tương đối là tri kiến của chúng sanh, đấy gọi là Tục địa

(Tục Đễ), Phật tùy thuận Tục địa thuyết pháp, tức là tùy thuận kiến giải của chúng sanh. Nói thiện - ác, thị - phi, lợi - hại, chân - vọng với quý vị, khuyên quý vị đoạn ác tu thiện, bỏ giả tu chân, nói với quý vị những điều ấy. Phật có suy nghĩ hay chẳng? Không có! Phật có những ý niệm ấy hay không? Không có! Nếu Phật có ý tưởng ấy, có quan niệm ấy, sẽ thật sự có pháp để nói. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật thường nói: "Phật chẳng có pháp để có thể nói được!" Chẳng những không có pháp nhất định để nói mà Phật còn không có pháp gì để nói, đấy mới là hiện rõ "vô thuyết mà thuyết, thuyết nhưng vô thuyết", nói ra chân tướng của sự thật ấy.

Bậc Pháp Thân đại sĩ có thể nghe, còn các vị Bồ Tát trong mười pháp giới chẳng biết cách nghe, các bậc Pháp Thân đại sĩ biết nghe, các ngài nghe như thế nào? Nghe mà không nghe, không nghe nhưng nghe, Pháp Thân đại sĩ mà! Ở nơi đây, phàm phu chúng ta nghe thấy có rất nhiều điều rất thích thú, làm sao biết có thích thú? Thấy vẻ mặt quý vị thay đổi liền biết quý vị có thích thú. Đương nhiên chúng ta là kẻ mới học. Kinh điển rất sâu này là cảnh giới của bậc Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta phải liễu giải. Sau khi liễu giải sẽ hiểu, trong giai đoạn hiện thời, chúng ta nhất định phải nghiêm túc tu học, nhưng tu học chẳng thể bám chắc vĩnh viễn, nếu vậy quý vị đã lầm rồi. Đây là một giai đoạn, tu học giai đoạn này xong xuôi thì phải buông bỏ, cảnh giới của chính mình mới được nâng cao. Giống như đi học vậy, năm nay chúng ta học lớp thuộc năm thứ nhất, năm sau phải bỏ lớp năm thứ nhất, lên lớp của năm thứ hai, chẳng thể nói lớp học năm thứ nhất hay lắm, năm nào cũng học lớp của năm thứ nhất. Nói gì vậy? Quý vị đã sai rồi! Do vậy, phải bỏ! Bỏ lớp của năm thứ nhất để được lớp thuộc năm thứ hai, bỏ lớp thuộc năm thứ hai để lên lớp của năm thứ ba. Quý vị không bỏ thì sẽ vĩnh viễn không đạt được. Nhất định phải hiểu đạo lý này! Quan trọng là đừng vướng mắc, hết thầy pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không vướng mắc thì quý vị sẽ thấy Chánh Giác Phật, quý vị sẽ thấy thân Bồ Đề. Nay chúng ta không thấy được là vì đụng đầu chấp đó, luôn luôn chấp vào tướng. Xem tiếp đoạn sau:

Thập thất, thập bát tức thị Tâm Phật, danh Phước Đức Thân. Tiên môn tâm sở trụ pháp. Hậu môn...

十七十八即是心佛，名福德身。前門心所住法。後門。

(Môn thứ mười bảy và mười tám chính là Tâm Phật, gọi là Phước Đức Thân. Môn trước là pháp thuộc về tâm sở trụ. Môn sau...)

Đây là môn thứ mười tám.

Tiêu tự tại tâm, cố kinh tâm Phật linh an trụ kiên, tùy tâm chuyển pháp, vi Phước Đức Thân.

標自在心。故經心佛，令安住見。隨心轉法，為福德身。

(Nêu bày tâm tự tại. Vì thế kinh dạy an trụ để thấy được đức Phật trong tâm, pháp chuyển theo tâm, là Phước Đức Thân)

Đây chính là đại phước đức thật sự. Đối với hai câu kinh văn trong đoạn này thì *"trụ nhất thiết pháp Niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật xuất hưng ư thế, dĩ trí huệ quang chuyển pháp luân cố"* (môn Niệm Phật trụ trong hết thảy pháp thấy hết thảy chư Phật xuất hiện trong cõi đời, dùng ánh sáng trí huệ để chuyển pháp luân) là Tâm Phật, phước đức hết sức rõ ràng, rạng ngời. Câu kế tiếp vẫn là Tâm Phật, *"trụ tự tại tâm Niệm Phật môn, tùy kỳ tâm sở hữu dục lạc, nhất thiết Như Lai hiện kỳ ảnh tượng hàm đắc kiến cố"* (Môn Niệm Phật trụ trong tâm tự tại, tùy tất cả những điều vui thích trong tâm của họ mà đều được thấy những hình ảnh do đức Như Lai hiện ra). Trước tiên chúng ta hãy xem câu thứ nhất, câu thứ nhất chính là *"trụ nhất thiết pháp Niệm Phật môn"*. Loại Niệm Phật này chính là niệm pháp, pháp [ở đây] chẳng phải là một pháp mà là hết thảy pháp. Hết thảy pháp và một pháp không hai, đây chính là chân tướng của sự thật, một tức hết thảy, hết thảy tức là một. Nay chúng ta học pháp môn một câu A Di Đà Phật này, một câu Nam Mô A Di Đà Phật ấy chính là pháp. Chúng ta an trụ cái tâm trong một câu Nam Mô A Di Đà Phật, sao chúng ta chẳng thấy được hết thảy đức Phật xuất hiện trong cõi đời? Nói thật ra, hiện thời chúng ta thật sự trọn chẳng đem cái tâm an trụ nơi A Di Đà Phật. Tuy niệm Phật vẫn khởi vọng tưởng như cũ, công phu chẳng thuần! Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy người niệm Phật tối kỵ nhất xen tạp, chúng ta xen tạp quá nhiều, quá phức tạp, cho nên câu niệm Phật này không linh. Nếu đạt đến mức chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quý vị sẽ thấy được tự tánh, cảnh giới ấy nhất định hiện tiền: Thấy hết thảy Phật xuất hiện trong thế gian, dùng đại trí huệ chuyển đại pháp luân. Chuyển đại pháp luân cũng là một tỷ dụ nhằm ví von đức Phật giáo hóa hết thảy chúng sanh vĩnh viễn không ngơi nghỉ, giống như bánh xe vĩnh viễn xoay chuyển, vĩnh viễn không ngưng nghỉ.

Hết thảy Phật đang ở đâu? Thưa cùng quý vị, trừ thân ta ra thì hết thảy đều là Phật. Nay cảnh giới ấy đối với chúng ta chẳng hiện tiền được, nói thật ra là do tâm không trụ vào hết thảy pháp. Câu kế tiếp cũng nói về Tâm Phật: *"Trụ tự tại tâm Niệm Phật môn"* (Môn Niệm Phật trụ trong tâm tự tại). Chúng ta đều rất hâm mộ sự tự tại, ai được tự tại? Quán Thế Âm Bồ Tát được tự tại. Chúng ta niệm Tâm Kinh, hãy chú ý tới ba chữ *"Quán Tự*

Tại” trong danh xưng Quán Tự Tại Bồ Tát. Quán là công phu, Tự Tại là quả báo. Có thể nói Quán là nhân, Tự Tại là quả. Hiện thời chúng ta bị rắc rối là vì chẳng biết quán, tuy chẳng biết quán, chúng ta lại biết làm gì? Chúng ta biết suy tưởng, suy tưởng là hỏng rồi! Người ta dùng Quán, chúng ta dùng Tưởng, quý vị nói xem có hỏng bét hay không? Quán và Tưởng khác biệt ở chỗ nào? Tôi vừa mới nói đấy thôi! Có suy nghĩ là Tưởng, không có suy nghĩ là Quán, quán sát đấy! Quý vị xem trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát dạy chúng ta một phương pháp trong năm loại niệm Phật là quán sát. Quán sát là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng dùng tới phân biệt, chấp trước, ấy là quán sát. Có thể thấy được rằng: Trong Niệm Phật chẳng phải là không có Quán. Quán thường được coi là phương pháp sử dụng trong Thiền Tông, được Thiền tông hết sức coi trọng. Chỉ Quán: Chỉ là dứt vọng niệm, dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Quán là gì? Cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ, hiểu rõ rành rành; họ dùng phương pháp ấy. Trong Niệm Phật cũng có Chỉ Quán; vì vậy, Niệm Phật cũng là Thiền. Kinh Đại Tích (tức kinh Đại Bảo Tích) nói: “*Niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiền*”. Nếu trong đây không có Quán thì “vô thượng thâm diệu Thiền” làm sao nói cho xuôi? Do vậy, chúng ta muốn đạt được tự tại thì không có gì khác cả, quý vị hãy chuyển biến suy tưởng thành quán sát thì sẽ được tự tại.

Trong những năm qua, chúng tôi giảng kinh, thuyết pháp ở các nơi trên thế giới, giúp đại chúng niệm Phật, chúng tôi đề xuất tông chỉ tu học. Người ta hỏi tôi: “Pháp sư, thầy học điều gì? Thầy dạy điều gì?” Tôi nêu lên mười câu, mười câu ấy là những điều chính chúng tôi tu tập và khuyên bảo người khác, “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác* (đây chính là tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ, thanh tịnh, bình đẳng, giác), *từ bi*”. Giữ năm điều này trong lòng, chúng ta thường dùng cái tâm ấy; xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải dùng cái tâm ấy. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, hết thảy cảnh duyên, chúng ta tu tâm chân thành. Người khác đối đãi với chúng ta bằng sự hư giả, mặc kệ họ! Chúng ta phải luôn đem lòng chân thành đãi người. Trong hết thảy cảnh duyên, tu hạnh thanh tịnh, tu hạnh bình đẳng, tu tâm thanh tịnh, chẳng ô nhiễm thì sẽ bỏ được tham - sân - si - mạn, tâm quý vị liền thanh tịnh. Tu tâm bình đẳng, trong hết thảy pháp đừng phân biệt, không phân biệt là bình đẳng, không ô nhiễm là thanh tịnh. Có thể đạt được thanh tịnh, bình đẳng thì trí huệ liền sanh, tín tâm thanh tịnh thì sanh trí huệ, chánh giác hiện tiền, tâm đại từ bi tự nhiên lưu lộ ra. Đây là những điều chúng tôi tu, chúng tôi tu học những điều ấy.

Dùng phương pháp nào để tu, chúng tôi lại đề xuất năm điều: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Trong ấy, phương pháp trọng yếu nhất là thấy thấu suốt, buông xuống. Thấy thấu suốt thể

gian là giả, "phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng", "hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng". Nếu quý vị thấy thấu suốt không có thứ gì là thật, tự nhiên quý vị sẽ buông xuống được, buông xuống rồi sẽ tự tại. Vì sao hiện nay quý vị chẳng tự tại? Quý vị không buông xuống được, vướng mắc quá nhiều thứ trong lòng, làm sao tự tại được? Quý vị thật sự có thể buông xuống hết thảy thì quý vị sẽ được tự tại. Nói thật ra, quý vị không chịu buông xuống, quý vị thật sự không thấy thấu suốt, quý vị không liễu giải chân tướng sự thật. Người thế gian cũng thường có một hai câu giác ngộ, nhưng những câu nói ấy chỉ là ngoài miệng, trọn chẳng có giác ngộ thật sự. Chúng tôi thường nghe nói: "Sanh ra chẳng mang tới, chết chẳng đem theo đi". Hai câu nói này là lời giác ngộ. Thế nhưng quý vị biết nói, chứ trong tâm vẫn chấp trước, vẫn phân biệt, vẫn buông xuống không được. Đã hiểu rõ "sanh ra chẳng mang tới, chết chẳng đem theo đi"; hết thảy pháp trong thế gian này chẳng liên quan với ta, vậy thì ta chấp trước để làm gì? Trong sanh hoạt tùy duyên sẽ tự tại, điều gì cũng tốt cả, không có một thứ nào chẳng tốt. Vì sao vậy? Thứ nào cũng đều chẳng liên can đến ta thì quý vị mới thật sự được tự tại, quý vị thật sự thọ dụng Phật pháp.

Nếu quý vị muốn giữ được vĩnh viễn sự thọ dụng này thì nhất định quý vị phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; do vậy, sau đây lại thêm Niệm Phật, như vậy thì quý vị mới thật sự vĩnh viễn đạt được. Nếu quý vị không niệm Phật, tuy quý vị được thọ dụng trong một đời này, hễ chuyển sang đời khác quý vị lại bị mê hoặc, trong đời sau chưa chắc vẫn còn giác ngộ. Những vị xuất gia là bậc đại tu hành từ cổ đến nay, hễ đầu thai chuyển sang đời khác sẽ hưởng phước, hễ hưởng phước liền mê hoặc, điên đảo, phần nhiều là như vậy! Đây đều là vì chẳng biết niệm Phật cầu vãng sanh, bỏ uổng công phu tu hành trong một đời, thậm chí nhiều đời của chính mình, rất đáng tiếc! Nhất định phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Do vậy, chúng tôi nêu ra mười câu ấy chính là những điều bản thân chúng tôi tu, học, giảng dạy, đây là môn Niệm Phật thật sự trụ trong tâm tự tại. Vì thế, nếu quý vị muốn được đại tự tại, không có gì khác cả, chỉ là thấy thấu suốt, buông xuống, hết thảy nhân sự vật không cần phải rợn ràng. "Phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng", hai câu ấy trong kinh Kim Cang nói rất hay, hãy thường niệm. Khi quý vị gặp lúc cao hứng bèn "phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng", tâm cao hứng sẽ nguội xuống. Khi quý vị khởi lên phiền não, niệm hai câu ấy, phiền não sẽ không còn nữa, tâm quý vị bèn đắm xuống, đều là giả mà. Vì sao chẳng tùy duyên sống qua ngày? Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian gọi là "du hý thần thông"; chúng ta có thể học tùy duyên sống qua ngày tức là du hý

thần thông, chuyện gì cũng đều chẳng so đo, chuyện gì cũng chẳng chấp trước, như vậy là đúng.

"*Tùy theo tất cả dục lạc trong tự tâm*", sau khi quý vị thấy thấu suốt, buông xuống, sự vui thích của quý vị khác với mọi người, quý vị có dục vọng gì? Đại khái dục vọng của quý vị chính là như trong kinh điển đã nói: "*Thọ trì, đọc tụng, vì người khác điển nói*". Nhất định quý vị có loại dục vọng ấy, quý vị coi những điều ấy là chuyện vui, là niềm vui thật sự! Tất cả hết thảy những chuyện khoái lạc trên thế gian không có được sự khoái lạc ấy; người thế gian cũng biết giúp đỡ người khác là cái gốc của sự vui sướng. Giúp người là chuyện vui sướng, nhưng những sự vui sướng ấy có chân, có giả, có bán, có mượn, có thiên, có viên; chỉ có giúp đỡ người khác giác ngộ, giúp đỡ người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giúp đỡ người ấy thành Phật. Đấy mới là sự vui sướng to lớn, đấy mới là sự vui sướng chân thật. Người khác gặp chút khó khăn, giúp đỡ người ấy một chút, đấy chưa phải là sự vui thật sự vì nó có hạn độ. Giúp đỡ người khác thành Phật, nhất định phải lay tỉnh người ấy.

Kinh giáo của Phật tốt đẹp, kinh giáo quá sâu, không có ai giảng giải, người ta đọc không hiểu, thậm chí giảng giải vẫn nghe không hiểu, đấy là chỗ khó khăn. Do vậy, tôi thường nghĩ tới lời khai thị của lão pháp sư Đàm Hư thuở trước khi Ngài đả Phật thất tại Hương Cảng. Băng ghi âm ấy tôi chỉ có một cuốn do người ta tặng cho tôi, dài chín mươi phút. Lời giảng của Ngài trong cuốn băng ấy rất gần gũi, dễ hiểu, ai nghe cũng hiểu được. Nếu làm theo lời Ngài thì không một ai chẳng thành công. Cụ Đàm giảng những đạo lý rất gần gũi, dễ hiểu, kể chuyện mấy người niệm Phật vãng sanh, chân thật chẳng dối, do chính mắt Ngài thấy. Giọng nói của lão nhân gia không dễ hiểu, trong quá khứ tôi đã kể với quý vị rồi. Do vậy, sau đấy chúng tôi chép lại thành văn tự, đem in kèm vào sau cuốn Niệm Phật Luận. Niệm Phật Luận cũng là do lão nhân gia giảng, đồ đệ của Ngài là Đại Quang bút ký. Hiện thời, hai loại này in gộp chung lại vẫn là một cuốn sách nhỏ, tôi bảo Giai Phương in cho tôi một vạn cuốn. Sợ có người nhìn thấy văn tự lười xem, buổi chiều hôm nay tôi đi thăm xưởng làm CD, tôi bảo họ làm cho tôi một vạn đĩa. Hôm nay là sinh nhật của Quán Trưởng, [làm như vậy] để tu phước cho Quán Trưởng.

Tôi nghe cuốn băng ấy của Sư một hai trăm lần, nghe rồi thật sự giác ngộ; so ra dễ thấy, gần gũi, dễ hiểu hơn kinh điển, thật sự dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống. Quý vị thấy Sư kể hai câu chuyện, nhân vật trong hai câu chuyện ấy đều là sư huynh, sư đệ của Ngài. Một vị tham thiền ở chùa Kim Sơn, về sau trở thành thần thổ địa nơi ấy. Nghe nói hôm nay có

một vị pháp sư ở chùa Kim Sơn viết thư xin sách, tôi đem sách ấy tặng cho ông ta. Ở Ôn Châu có một người thợ vá nôi xuất gia cùng ông ta niệm Phật, suốt ngày cũng chưa hề nghe kinh, niệm suốt ba bốn năm liền đứng vắng sanh. Thành Phật chẳng khó đâu! Đầu mỗi là thấy thấu suốt, buông xuống. Vì sao vị ấy niệm ba bốn năm liền có được thành tựu như vậy? Vì vị ấy đã thấy thấu suốt duyên trong cõi đời, thế gian này khổ quá, chẳng lưu luyến mảy may, chẳng vướng mắc mảy may, nhất tâm niệm Phật. Vị ấy niệm Phật như vậy, phương pháp do thầy của vị ấy là lão hòa thượng Đế Nhân đã dạy rất hay! "*Niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm*", chẳng có một chút áp lực nào!

Hiện thời chúng ta đề xướng phương pháp Niệm Phật này, quý vị cần biết là phương pháp Niệm Phật này do tôi đã nghĩ tới từ nhiều năm trước kia, tôi nghĩ tới một phương pháp Niệm Phật rất nhẹ nhàng, thoải mái, không có mảy may áp lực nào thì chúng ta mới dễ thành tựu. Sau khi tôi nghĩ ra phương pháp ấy, về sau này tôi đọc lời khai thị của pháp sư Hành Sách, Ngài cũng dùng phương pháp ấy, tuy cách làm của chúng tôi không giống Ngài cho lắm, nhưng tông chỉ hoàn toàn tương đồng, phương pháp cũng rất gần gũi. Là vì lẽ nào vậy? Do cách Ngài nghĩ là dùng cho tự viện, trong những tự viện ở Đại Lục thường là có tới mấy trăm người ở, những tự viện lớn có cả mấy ngàn vị trụ, quy mô của Niệm Phật Đường rất lớn. Do vậy, cách Ngài nghĩ là trong Niệm Phật Đường chia thành ban, mỗi một ban do bốn vị pháp sư hướng dẫn, họ có người để làm như vậy. Đạo tràng của chúng ta ở địa phương này nhỏ bé, người xuất gia ít ỏi, đâu có nhiều người như thế để hướng dẫn?

Do vậy, trong thời đầu, tôi nghĩ tới cách dùng băng thâu âm, khi băng hết vẫn phải lật mặt, vẫn còn mất công! Không ngờ tới mấy năm gần đây đã phát minh ra máy Niệm Phật, hay lắm! Thật sự đã hoàn toàn giải quyết xong vấn đề của chúng tôi. Chẳng cần phải dùng pháp sư hướng dẫn, cứ nương theo âm điệu của máy Niệm Phật là được rồi! Thanh điệu của máy Niệm Phật phải làm sao cho chính mình niệm rất thoải mái, điểm này rất quan trọng. Tốc độ nhanh hay chậm phải thích hợp. Máy Niệm Phật chúng ta dùng hiện thời là thanh điệu niệm Phật ở Đài Trung, có những vị đồng tu vẫn chê là thanh điệu ấy còn hơi quá chậm. Quá chậm đã không hay, mà quá nhanh cũng không tốt, phải làm sao cho thích hợp. Do vậy, tôi bèn nghĩ, trong số các vị đồng tu chúng ta ở đây, hôm nào tìm mấy vị, luyện tập trước cho thuần thục một phen, đến phòng thâu âm của chúng ta thâu thành một cuốn băng, đem cuốn băng ấy chế máy Niệm Phật. Thanh điệu nhất định phải dễ nghe, tốc độ vừa phải, tốt nhất là vẫn đánh dẫn khánh kèm theo, tiếng khánh gõ ngay chữ Đà. Có thể làm máy niệm sáu tiếng, mà

cũng có thể làm một máy niệm bốn tiếng. Ai thích niệm sáu tiếng thì dùng máy niệm sáu tiếng, ai thích dùng máy niệm bốn chữ thì dùng máy niệm bốn chữ. Thậm chí có thể làm nhiều loại, thích niệm chậm thì làm máy niệm chậm, thích niệm nhanh thì làm máy niệm nhanh; có thể tùy ý chọn lựa, như vậy thì tốt lắm! Làm như vậy sẽ giúp đỡ người khác rất nhiều!

Chỉ cần buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật là quý vị sẽ được đại tự tại! Niệm Phật như vậy sẽ thật sự niệm tới mức pháp hỷ sung mãn, mới biết trong thế gian không có gì vui sướng hơn niệm Phật. Niệm Phật không mệt mỏi, không nhọc nhằn, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng vui sướng. Nhưng trong khi ấy, nếu có cảnh giới gì xuất hiện: Hoặc là quý vị thấy Phật, hoặc thấy ánh sáng, hoặc thấy rất nhiều tướng lành; nếu có những cảnh giới ấy xuất hiện, quý vị chớ nên sanh lòng hoan hỷ, cũng chẳng cần phải nói với ai! Phải áp dụng thái độ nào? Thấy mà như chẳng thấy thì quý vị có thể thấy được. Nếu quý vị thấy những cảnh giới ấy liền sanh lòng hoan hỷ, tức là khởi tâm động niệm rồi, đây là cảnh giới ma, chẳng phải cảnh giới Phật, phân định Phật và ma ở chỗ này! Khi nào Phật sẽ đến? Đại khái đều là khi quý vị niệm Phật công phu đạt tới tam-muội, cũng tức là quý vị đã đạt được Chánh Định, cảnh giới hiện tiền, quý vị đã đạt như bất động thì quý vị sẽ thấy được cảnh giới Phật, tự nhiên trông thấy. Kinh thường nói tới chuyện này, trong kinh thường có [đề cập những chuyện ấy]. Nếu công phu của quý vị tới mức, quý vị sẽ tự nhiên trông thấy. Nếu công phu chưa tới mức mà đột nhiên trông thấy, trông thấy rồi rất hoan hỷ, đến khắp nơi kể với người khác tôi đã thấy này thấy nọ, quý vị đã bị ma dựa rồi. Vì sao bị ma dựa? Quý vị chưa có tam-muội, tâm thanh tịnh đã bị phá hoại mất rồi!

Do vậy, chúng ta đọc truyện ký của cổ nhân, chẳng như Liên Tông Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư, khi lão nhân gia tại thế, trong một đời ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, [cảnh giới] Ngài thấy hoàn toàn tương ứng với những gì trong kinh đã nói. Thuở ấy, Viễn Công đại sư lập ra liên xã đề xướng niệm Phật, chỉ có một bộ kinh, tức là Vô Lượng Thọ Kinh, chứ kinh Di Đà lẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ đều chưa được phiên dịch ra, Ngài là người lập liên xã sớm nhất. Như vậy là kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, thuở ấy Ngài chỉ dựa vào một bộ kinh này. Từ trước đến nay Ngài chưa nói với ai, đến hôm vãng sanh Ngài mới kể với mọi người, cho biết trong quá khứ đã từng ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay [cảnh tượng ấy] lại hiện tiền, ta sắp vãng sanh. Quý vị thấy Ngài ra đi tự tại như vậy đó!

Pháp thế gian lẫn xuất thế gian chỉ có một chuyện này là thật, những thứ khác đều là giả. Giả thì phải buông xuống, giả thì chẳng cần phải để trong lòng, phải giữ cái nào thật ở trong lòng. Do vậy, điều này hết sức quan trọng. Chúng ta nói "*trụ trong cái tâm tự tại mà niệm Phật*", như vậy thì thọ dụng sẽ to lớn. "*Tùy theo tất cả những vui thích trong tự tâm*", nhất định là những điều quý vị mong muốn, quý vị sẽ hoan hỷ, nhất định giống như chư Phật, Bồ Tát: đọc tụng, thọ trì, vì người khác diễn nói. "*Diễn*" là biểu diễn. Chúng ta niệm Phật ở đây là biểu diễn cho người khác coi, trông thấy bên ngoài không có ai xem [bèn không niệm nữa]. Nếu như quý vị thấy bên ngoài có người coi, quý vị liền bày vẽ hoa dạng, không có ai nhìn bèn chẳng niệm, tức là quý vị không phải là người niệm Phật! Tâm quý vị không chân thành! Chúng ta dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh một mực niệm, lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ khởi tác dụng. Quý vị thấy ở đây người đến, kẻ đi, ở đây thường có người niệm Phật, người ta đứng ở ngoài cửa, thường trông thấy quý vị như vậy, sẽ có tác dụng huân tập cho người ấy, tạo ra ảnh hưởng nơi người ấy. Có thể là người ấy sẽ thưa hỏi vì sao quý vị niệm Phật? Vui sướng niệm Phật, tự tại niệm Phật, không lo sầu, không vọng tưởng, không phiền não, thấy quý vị rất tự tại, vui sướng lắm! Thân tâm thanh tịnh, đấy là điều người thế gian thường mơ đạt được nhưng cầu không được, chúng ta có thể truyền dạy cho họ.

Tiếp theo là: "*Nhất thiết Như Lai hiện kỳ ảnh tượng hàm đặc kiến cổ*" (Hết thảy Như Lai hiện hình bóng, đều được thấy). Đấy chính là cảm ứng đạo giao, quý vị niệm Phật nhất định có cảnh giới. Đối với những cảnh giới ấy, quyết định chớ nên chấp tướng, không cần phải kể với người khác. Trong phần trước tôi đã nhắc rồi, đừng chấp vào hết thảy thì quý vị sẽ tương ứng. Nếu chấp tướng là không tương ứng, là hiểu lầm mất rồi!

Chú giải cho phần này, đại sư Thanh Lương viết: "*Tiền môn Tâm Sở trụ pháp*" (Môn trước là pháp trụ nơi Tâm Sở). Điều này tôi đã vừa mới nói rất nhiều rồi, rất khẩn yếu. Phần sau là câu mười tám: "*Tiêu tự tại tâm, cố kinh tâm Phật, linh an trụ kiến*" (Nêu bày tâm tự tại, cho nên kinh dạy an trụ [vào cái tâm tự tại ấy] để thấy được đức Phật trong tâm). Khi tâm quý vị được tự tại, thì cảnh giới Như (tức cảnh giới như như bất động) hiện tiền, quý vị sẽ có thể thấy Phật. Tiếp theo là hai câu: "*Tùy tâm chuyển pháp, vị phước đức thân*" (Tùy tâm chuyển pháp là Phước Đức Thân). Tâm ở chỗ này là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, những tâm ấy chính là tâm được nói ở chỗ này. Dùng chân tâm ấy để chuyển pháp thì đó là phước đức chân thật. Trong kinh gọi chuyển pháp là "*chuyển pháp luân*", với ý nghĩa "đem Phật pháp truyền dạy cho người khác". Truyền pháp phải có duyên phận, như thường nói là "*Phật chẳng độ*

người vô duyên". Duyên ấy cũng phải kết, không kết duyên thì có phải là vĩnh viễn vô duyên hay không? Do duyên có sâu cạn khác nhau, duyên cũng có ẩn hay hiện bất đồng, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Hễ duyên chín muồi thì rất dễ dàng, người ấy bằng lòng tiếp nhận, chúng ta có thể hoàn toàn giúp đỡ người ấy; khi duyên chưa có chín muồi sẽ làm nhân duyên cho người ấy.

Giống như tòa cao ốc này của chúng ta, duyên của những người sống bên cạnh đều chưa chín muồi, chúng tôi hằng ngày giảng kinh tại đây, từ trước tới nay họ chưa có lần nào đến đây. Tuy chưa từng đến một lần, họ biết lâu năm có Phật đường, đấy là duyên. Nơi cửa cầu thang của cao ốc này chúng tôi đều dán chữ "*Nam-mô A Di Đà Phật*" nơi đường họ phải đi qua, họ đi qua đó đều trông thấy, mắt vừa trông thấy, chủng tử A Di Đà Phật liền gieo vào A Lại Da Thức, tạo nhân duyên cho họ. Chúng ta phải có cái tâm ấy, tức là tâm độ chúng sanh, bất luận chúng sanh nào, nói chung chúng ta luôn hy vọng đem Phật pháp giới thiệu cho họ. Người có thể tiếp nhận thì giới thiệu cho họ, không tiếp nhận được cũng vẫn giới thiệu với họ. Chẳng thể tiếp nhận thì có phương pháp dành cho người chẳng thể tiếp nhận, phương thức vô lượng vô biên.

Dụng tâm phổ độ chúng sanh, thay Phật chuyển pháp luân, phước báo ấy không có ngăn mé, phước báo ấy xứng tánh; vì thể thân tướng đạt được là thân phước đức. Thân phước đức là do từ vị Phật trong tâm mà có, quý vị phải nhớ kỹ cái tâm ấy, chúng ta nói một cách đơn giản nhất, cốt lõi nhất là "*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*". Quý vị có thể dùng cái tâm ấy để sống, dùng cái tâm ấy để làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, phước đức sẽ ở trong ấy. Quả báo của phước đức ấy rất nhanh chóng, sẽ được thọ dụng trong hiện tiền, chẳng cần phải đợi đến đời sau, mà thọ dụng ngay trong hiện tiền. Quý vị thực hiện càng lớn, phước đức của quý vị càng lớn, quý vị làm càng chân thật, phước đức của quý vị càng thực tiễn, đấy là đạo lý nhất định. A, hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 5 hết

^{5[1]} Tướng Phần là một thuật ngữ trong Duy Thức chỉ đối tượng nhận biết của nhận thức và cảm giác. Chẳng hạn khi ta nhìn một bông hoa, thì cái thấy biết bông hoa ấy gọi là Kiến Phần, còn bông hoa ấy là Tướng Phần của sự thấy biết đó.

^{6[2]} Thái Dương Hệ là một hệ thống các tinh tú do mặt trời làm trung tâm, tạo ra sức hút buộc các thiên thể khác phải quay quanh nó theo một quỹ đạo nhất định. Trong một Thái Dương Hệ ngoài mặt trời còn có 8 hành tinh (planet, tức các thiên thể có khối lượng cố định, không tự phát sáng, như địa cầu, Thổ Tinh, Kim Tinh, Thủy Tinh v.v...), hơn 165 vệ tinh (các tiểu hành tinh xoay quanh một hành tinh khác, như mặt trăng chẳng hạn) và rất nhiều tiểu thiên thể khác (small solar system bodies).

^{7[3]} Ngân Hà Hệ (Milky way, Galaxy) là hệ thống các tinh tú, mà Thái Dương Hệ chỉ là một phần nhỏ của nó. Theo ước tính, một Ngân Hà Hệ có khoảng hơn hai ngàn hằng tinh (star, như mặt trời chẳng hạn, hằng tinh có khả năng tự phát sáng, khác với hành tinh. Hành tinh không có khả năng tự phát sáng và thường quay quanh một hằng tinh), có những chòm sao (constellation) và các tinh vân (nebula), tạo thành một khối sáng có hình dạng giống như một cái đĩa tròn hình xoáy ốc, có đường kính khoảng 100.000 quang niên, gồm hơn 400 tỉ ngôi sao.

^{8[4]} Hương bản (香板) là một thanh gỗ dẹp dài, kích thước, hình dạng, trọng lượng tùy thuộc vào từng Thiền phái, nhưng thông thường, Hương Bản trong Thiền môn Trung Hoa dài bốn thước hai tấc (thước tấc Tàu), phía trên rộng (khoảng hai tấc), chót đầu thuôn thuôn dần gần như nhọn, phía dưới lượn tròn, khoét lõm vào, tạo thành cán cầm. Nói chung, Hương Bản trông hao hao như một thanh gươm gỗ, thường để trần, không sơn phết. Trên Hương Bản thường khắc chữ Cảnh Sách hoặc Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hương bản dùng trong tự viện Việt Nam có hình dáng hơi khác. Thời cổ, tùy theo thời tiết mà dùng các loại hương bản khác nhau. Mùa Hạ dùng loại hương bản làm bằng gỗ mềm, nhẹ, mùa Đông dùng loại hương bản bằng gỗ cứng hơn, với dụng ý: Tùy theo thời tiết mà Thiền giả sẽ mặc nhiều hay ít lớp quần áo, nên phải dùng hương bản phù hợp. Theo truyền thuyết, Ung Chánh hoàng đế nhà Thanh đặc biệt sùng kính Ngọc Lâm quốc sư. Khi đại sư viên tịch, vua tiếc nuối khôn nguôi, vị cao đồ nổi tiếng của Sư là Hành Sâm cũng đã viên tịch, vua bèn hạ chiếu truy tìm môn nhân của Sư. Khi ấy, tại chùa Cao Môn ở Dương Châu có một vị sư chốc đầu xưng là đồ tôn của Ngọc Lâm, vua hoan hỷ cho đón vào cung vấn đạo, mới biết vị này thiếu phẩm đức, đạo phong lẫn oai nghi. Vua bực tức, quở trách vị Tăng ấy điểm nhục sư môn, sai lập một thiền phòng trong cung, ngoài cửa treo một thanh gươm bén, ra lệnh nếu trong bảy ngày, vị Tăng ấy không tham cứu khai ngộ sẽ chém đầu. Sợ chết, vị Tăng ấy cực lực tham cứu, đến ngày thứ bảy hoát nhiên đại ngộ, kêu to: "Mang gươm báu lại đây cho ta chém cái đầu vạn năm!" Người hầu vội tâu lên vua, vua đích thân khảo nghiệm, chứng thực vị Tăng này đã khai ngộ. Do vậy, Thiền môn mới chế ra hương bản có hình giống như thanh kiếm để cảnh sách Thiền giả (theo tài liệu của Trung Đài Sơn Bác Vật Quán). Theo ngụ ý, Hương Bản phải tồn tại sớm hơn thế, vì trong các Thiền viện Nhật Bản cũng dùng Hương Bản, mà vào thời Ung Chánh thì Nhật Bản theo chánh sách "bế môn tỏa cảng" hầu như không giao tiếp với Trung Hoa. Mọi buôn bán với bên ngoài đều phải thông qua các thuyền buôn và sự trợ giúp của giáo sĩ Tây Phương.